

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO**
Tên giao dịch quốc tế : **DOMESCO MEDICAL IMPORT EXPORT JOINT STOCK CORP.**
Tên viết tắt : **DOMESCO**
Mã chứng khoán : **DMC**
Địa chỉ : 66 Quốc Lộ 30, Phường Mỹ Phú, Tp Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
Số điện thoại : (84.67)3 852 278 – 3 854 674
Số fax : (84.67)3 851 270
Email : domesco@domesco.com; vpcty@domesco.com
Website : www.domesco.com
Logo :



Năm báo cáo : **2009**

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

1. Quá trình hình thành & phát triển:

Tiền thân của Công Ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO là Công ty Vật tư Thiết bị Y tế là doanh nghiệp Nhà nước, được thành lập năm 1985 theo Quyết định số 349/TCCB ngày 04/07/1985 do UBND Tỉnh Đồng Tháp ký với tên gọi là Công ty Vật tư Thiết bị Y tế trực thuộc Sở Y tế Đồng Tháp. Chức năng của Công ty Vật tư thiết bị Y tế là tiếp nhận, quản lý tổ chức sản xuất, thu mua, cung ứng và sửa chữa các thiết bị, dụng cụ y tế phục vụ cho ngành y tế. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã qua 7 lần thay đổi tên đăng ký kinh doanh:

1. Công ty Vật tư Thiết bị Y tế (04/7/1985 - 28/7/1987)
 2. Công ty Cung ứng Vật tư và Thiết bị Y tế (28/7/1987 - 21/9/1988)
 3. Công ty Dịch vụ và Cung ứng Vật tư Y tế (21/9/1988 - 19/5/1989)
 4. Công ty DOMESCO (19/05/1989 – 20/10/1989) – Thương hiệu DOMESCO ra đời từ đây.
 5. Công ty Xuất Nhập khẩu Phục vụ Y tế - DOMESCO (20/10/1989 - 14/11/1992)
 6. Công ty Xuất Nhập khẩu Y tế Đồng Tháp - DOMESCO (14/11/1992-01/01/2004)
 7. Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế DOMESCO (01/01/2004 đến nay)
- ✓ Ngày 01/01/2004, Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần theo quyết định số 144/QĐ-UBTL ngày 27/11/2003 được ký bởi Chủ tịch UBND Tỉnh Đồng Tháp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5103000015 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 30/12/2003 với vốn điều lệ là 60 tỷ đồng.
 - ✓ Năm 2005, công ty thực hiện tăng vốn từ 60 tỷ đồng lên 80 tỷ đồng cho Cổ đông hiện hữu, cán bộ công nhân viên công ty và các đối tác chiến lược của công ty.
 - ✓ Năm 2006, công ty tiếp tục phát hành cổ phiếu thường từ nguồn từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển (19 tỷ đồng) và phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (8 tỷ đồng) để tăng vốn lên 107 tỷ đồng và niêm yết 10.700.000 cổ phiếu DMC trên sàn giao dịch chứng

khoán TP. Hồ Chí Minh vào ngày 25/12/2006 – Giá chào sàn phiên đầu tiên là 130.000 đ/cp.

- ✓ Năm 2007, Công ty phát hành cổ phiếu cho đối tác chiến lược (12 tỷ mệnh giá – giá 130.000 đ/cp), phát hành cho cổ đông hiện hữu (5,35 tỷ mệnh giá – giá 35.000 đ/cp) và phát hành cho Cán bộ chủ chốt (2,65 tỷ mệnh giá – giá 70.000 đ/cp) tăng vốn lên 137.699.990.000 đồng.
- ✓ Năm 2009 công ty đã tăng vốn lên đến 178.093.360.000 đồng (Phát hành cổ phiếu thưởng tỷ lệ 30% cho cổ đông hiện hữu từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển).

2. Ngành nghề kinh doanh:

+ Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu thuốc, nguyên liệu, phụ liệu dùng làm thuốc cho người, các loại bao bì dược phẩm, thực phẩm, vật tư y tế, trang thiết bị, dụng cụ y tế ngành y, dược và các ngành khoa học kỹ thuật khác, hóa chất xét nghiệm, hoá chất công nghiệp, trang thiết bị dụng cụ sử dụng cho các phòng thí nghiệm (lý – hóa - sinh).

+ Dịch vụ sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng và lắp đặt các thiết bị khoa học cho các nhà máy sản xuất, trường học, phòng thí nghiệm;

+ Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu nước hoa, các loại mỹ phẩm từ nguồn nguyên liệu trong nước và nhập khẩu;

+ Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu bánh phồng tôm, bánh tráng và một số thực phẩm chế biến từ lương thực và ngũ cốc; nước uống tinh khiết, nước khoáng thiên nhiên và nước uống từ dược liệu, đồ uống không cồn, rượu cao độ;

+ Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu thủy hải sản; sản xuất, kinh doanh thức ăn gia súc, thức ăn gia cầm, thức ăn thủy sản.

+ Sản xuất, mua bán xuất nhập khẩu hóa chất tẩy rửa. Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y.

+ Kinh doanh bất động sản (không bao gồm kinh doanh dịch vụ bất động sản); thiết bị công nghệ. Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu nguyên liệu, thành phẩm thực phẩm – Thực phẩm chức năng, thực phẩm dinh dưỡng. Thu mua, nuôi trồng, chế biến dược liệu và động vật làm thuốc; nông sản phục vụ cho sản xuất cồn và kinh doanh các phụ phẩm khác trong ngành cồn, rượu, nước giải khát. Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu bao bì các loại. Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu bảo trì sửa chữa thiết bị, dụng cụ y dược và các ngành khoa học kỹ thuật khác. Dịch vụ tư vấn hệ thống chất lượng.

+ Kinh doanh, xuất nhập khẩu hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn.

+ Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu vắc xin; sinh phẩm dùng cho người, động vật và thực vật.

+ Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu các sản phẩm từ nhựa trong lĩnh vực y, dược, thực phẩm, mỹ phẩm.

3. Định hướng phát triển:

Định hướng chiến lược phát triển của Công ty là : “DOMESCO hướng tới tập đoàn kinh tế mạnh” và để đạt được điều đó một cách hoàn chỉnh vào năm 2015 DOMESCO đã đề ra định

hướng hoạt động phải tuân thủ theo 2 tôn chỉ, 6 phương châm & 9 chương trình hành động cụ thể :

✓ **2 Tôn chỉ :**

- Cân bằng minh bạch hài hoà giữa quyền lợi cổ đông và quyền lợi người lao động trong khuôn khổ tôn trọng luật pháp.
- Lấy lợi nhuận hợp pháp làm nền tảng cho mọi thu nhập của Công ty

✓ **6 Phương châm:**

- Sống và làm việc theo pháp luật.
- Hiệu quả là tiêu chí duy nhất để đánh giá Doanh nghiệp mà năng suất làm việc là mũi xung kích.
- Lấy sản xuất làm nền tảng cho phát triển trong đó xuất khẩu sản phẩm là kim chỉ nam.
- Chất lượng sản phẩm là quyết định và không ngừng cải tiến theo hướng hàm lượng tri thức ngày càng mang tính chủ đạo.
- Chuyên dịch cơ cấu công nghệ tiên tiến trong mọi hoạt động để có sức cạnh tranh cao.
- Đưa thương hiệu DOMESCO đi vào lòng người là động lực của thành công.

✓ **9 Chương trình hành động**

- **Chương trình tái cấu trúc – tổ chức lại doanh nghiệp – hiện đại hoá quản lý.**
 - Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp năm 2005 dưới hình thức Công ty Cổ phần, đa sở hữu, nhà nước không còn chi phối, vì vậy ta phải tái cấu trúc ở cả 2 lĩnh vực TÀI CHÍNH và HOẠT ĐỘNG tức là làm một cuộc cách mạng về chiến lược.
 - Hoạt động sản xuất kinh doanh phải năng động, tốc độ, sáng tạo, phù hợp với yêu cầu cạnh tranh quốc tế.
 - Triển khai định hướng theo 3 nền kinh tế (kinh tế truyền thông – kinh tế tri thức – kinh tế khách hàng).
- **Chương trình đào tạo và phát triển nguồn nhân lực – cạnh tranh thu hút nhân tài.**
 - Đào tạo đúng, tuyển dụng tốt ta sẽ có một nguồn nhân lực nội tại có kiến thức, có kỹ năng và năng lực đáp ứng yêu cầu phát triển mới.
 - Song song đó ta phải bổ sung thêm người giỏi bằng việc xây dựng một cơ chế chính sách tạo lực hút để đáp ứng những yêu cầu, nhiệm vụ mới của Công ty.
- **Chương trình hiện đại hóa kỹ thuật – công nghệ.**
 - Đầu tư đổi mới thiết bị, ứng dụng các công nghệ tiên tiến để cung cấp những sản phẩm có chất lượng cao, giá thành hợp lý nhằm đáp ứng những yêu cầu ngày càng khắt khe của những thị trường trong và ngoài nước mỗi lúc mỗi khó tính hơn.
- **Chương trình tiếp thị tổng lực.**
 - Tiếp thị nội địa, quốc tế và THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ.
 - Xây dựng THƯƠNG HIỆU đi vào lòng người
 - Kiến tạo một HỆ THỐNG PHÂN PHỐI theo hướng ĐA DẠNG HÓA THỊ TRƯỜNG.

- Quảng cáo đồng bộ có HIỆU QUẢ
- KHUYẾN MÃI và GIÁ CẢ phù hợp
- Mở rộng quan hệ công chúng, CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG CHU ĐÁO
- Tất cả phải tiến hành đồng bộ, song song, PHỦ SÓNG, ĐAN KÍN vào nhau
- **Chương trình quản lý chất lượng toàn diện ISO, GMP, ISF, 6 SIGMA.**
 - Triển khai, áp dụng song hành cả hệ thống chất lượng bao hàm cả các TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG, CÔNG CỤ CHẤT LƯỢNG phải được đo lường qua CHỈ SỐ CHẤT LƯỢNG để có đủ hành trang, vượt qua hàng rào kỹ thuật, tạo dựng niềm tin của khách hàng trong nước, ngoài nước đối với DOMESCO để mở rộng thị trường và tăng dần tỷ lệ thị phần trên toàn thế giới.
 - Quản lý chất lượng phải được kết nối với quản lý TRI THỨC nhằm kiến tạo kho TRI THỨC của Công ty.
- **Chương trình ứng dụng công nghệ phần mềm, tin học hoá toàn bộ hoạt động của công ty.**
 - Xây dựng một hệ thống THÔNG TIN CHIẾN LƯỢC, SÁCH LƯỢC, GIẢI PHÁP SẢN XUẤT- KINH DOANH đúng đắn.
 - Lấy công nghệ thông tin làm nền tảng là công cụ quản lý và PHẢI ĐƯỢC triển khai với tốc độ cao.
- **Chương trình nghiên cứu – phát triển sản phẩm mới:**
 - Thiết lập, kiện toàn trung tâm nghiên cứu và phát triển với đầy đủ các bộ phận:
 - + Nghiên cứu đa dạng (thị trường, công thức, kỹ thuật bào chế....)
 - + Thiết kế mẫu chuyên nghiệp.
 - + Xưởng chuyên sản xuất thử nghiệm các sản phẩm mới mang tính sáng tạo để nâng cao, đa dạng hóa sản phẩm, và tạo ra sức cạnh tranh liên tục nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm ngang tầm khu vực và quốc tế.
 - Nghiên cứu các công thức tối ưu hàm chứa nhiều bí quyết để tiến đến việc bảo hộ sở hữu trí tuệ nhằm ngăn chặn hàng nhái của đối thủ cạnh tranh không lành mạnh.
 - Liên kết với các trường, viện, bệnh viện, Trung tâm Nghiên cứu Khoa học trong nước và ngoài nước nhằm tiếp thu, ứng dụng các công nghệ bào chế tiên tiến, thử nghiệm BE, BA, lâm sàng.... đồng thời kịp thời nắm bắt được các hoạt chất GENERIC sắp hết bản quyền để kịp thời sản xuất chiếm lấy thời cơ mà không vi phạm luật sở hữu trí tuệ.
- **Chương trình gia tăng tiềm lực tài chính – cạnh tranh thu hút vốn:**
 - Tạo vốn trong việc phát hành cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp thông qua việc niêm yết trên thị trường chứng khoán trong nước và nước ngoài.
 - Đồng thời nâng cao năng lực quản trị tài chính phù hợp theo từng bước mở rộng quy mô doanh nghiệp.
- **Chương trình hợp tác – liên kết – gia nhập các hiệp hội trong và ngoài nước:**
 - Thực hiện nguyên tắc “Buôn có BẠN, bán có PHƯỜI”
 - Gia nhập các Hiệp hội, Ngành nghề, đồng thời qua đó đẩy mạnh xúc tiến thương mại để gia tăng tiềm lực và vị thế của công ty ở trong nước và quốc tế.

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

1. Đặc điểm tình hình:

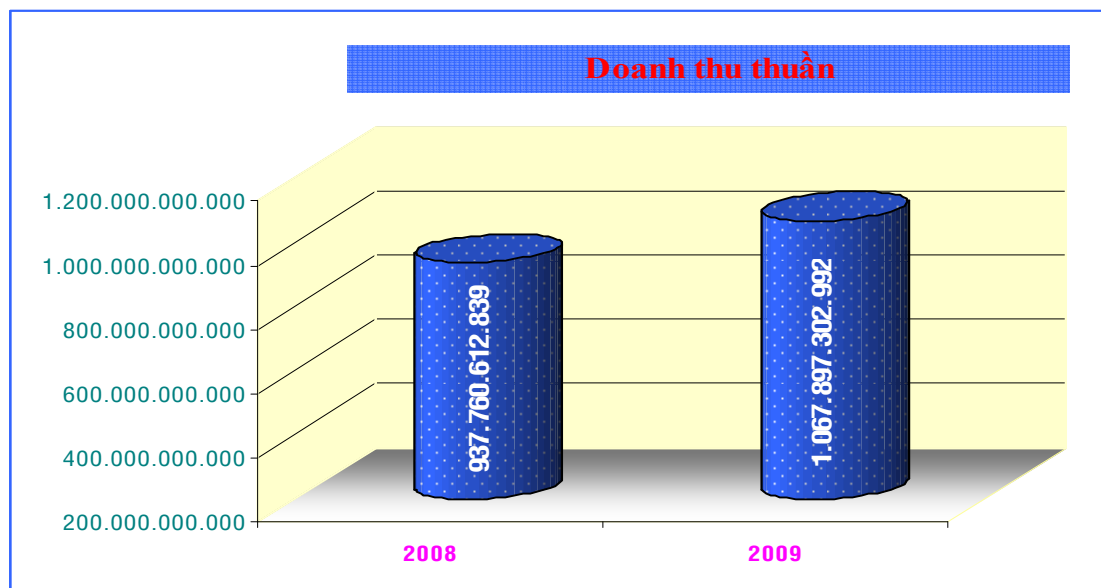
- Năm 2009 là năm thứ 3 kể từ khi Việt Nam là thành viên chính thức của WTO, ngành Dược Việt Nam là một trong những ngành có sức cạnh tranh cao. Các tập đoàn Dược phẩm thế giới đã vào Việt Nam, xem đây là một thị trường tiềm năng. Mặt khác, các Công ty, Nhà máy Dược phẩm tư nhân trong nước ra đời có quy mô đầu tư cho sản xuất lớn.
- Với nhiều khó khăn thách thức, HĐQT – Ban điều hành Công ty CP XNK Y tế DOMESCO đã phát huy lợi thế của đơn vị với quy mô sản xuất đạt tiêu 3P: GMP-WHO, GLP, GSP, với hệ thống phân phối đạt 3P: GSP, GDP, GPP cùng hệ thống quản lý chất lượng toàn diện theo chuẩn mực quốc tế ISO 9001:2008, ISO 14001, OHSAS 18001. Bên cạnh đó hàng sản xuất của Công ty 12 năm liền (1999-2010) được người tiêu dùng bình chọn hàng Việt Nam chất lượng cao.
- Với sự điều hành linh hoạt, quyết liệt của Ban Điều hành vì vậy đã hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch đề ra, kết quả cụ thể như sau:

2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu:

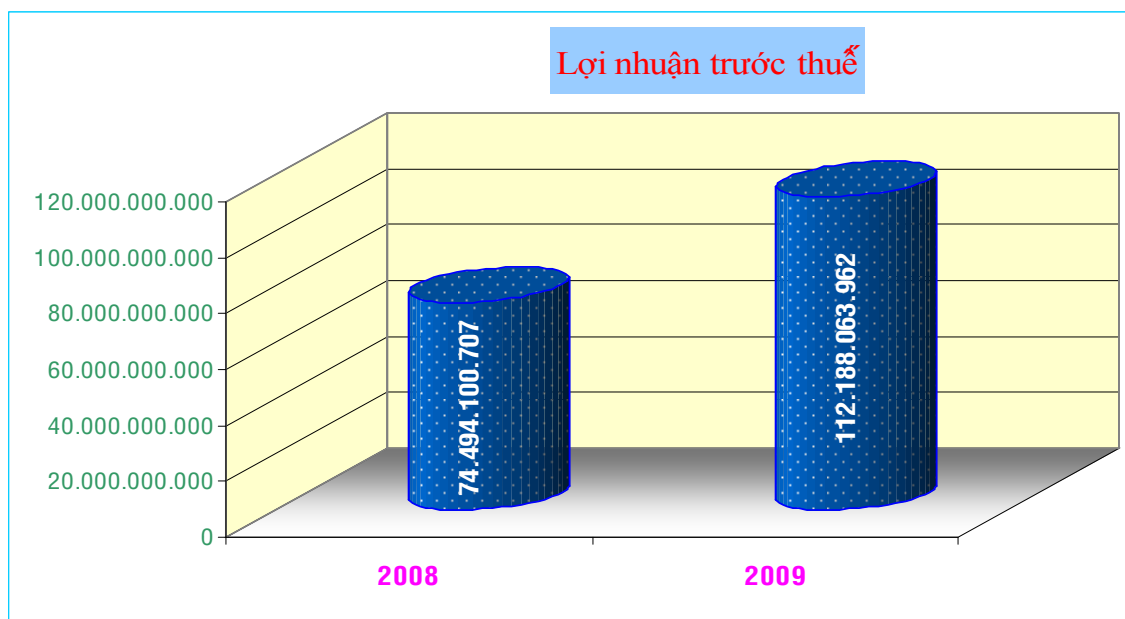
2.1.Các chỉ tiêu cơ bản về sản xuất – kinh doanh:

TIÊU CHÍ	ĐVT	THỰC HIỆN		SO SÁNH %
		Năm 2008	Năm 2009	Cùng kỳ
Dthu Chung	VNĐ	941.224.745.266	1.071.895.125.105	113,88%
Dthu thuần	VNĐ	937.760.612.839	1.067.897.302.992	113,88%
Dthu SX	VNĐ	494.369.804.562	594.734.670.865	120,30%
Dthu khác	VNĐ	444.156.276.690	473.641.444.960	106,64%
Sản lượng SX	ĐVSP	875.029.056	1.130.671.312	129,22%
Kim ngạch NK	USD	27.859.704	28.011.570	100,55%
LN trước thuế	VNĐ	74.494.100.707	112.188.063.962	150,60%
LN sau thuế	VNĐ	62.805.354.886	76.362.466.059	121,59%
Cổ tức	%	20%	20%	0,00%
Thu nhập B/Q	VNĐ	4.708.000	5.144.202	109,27%

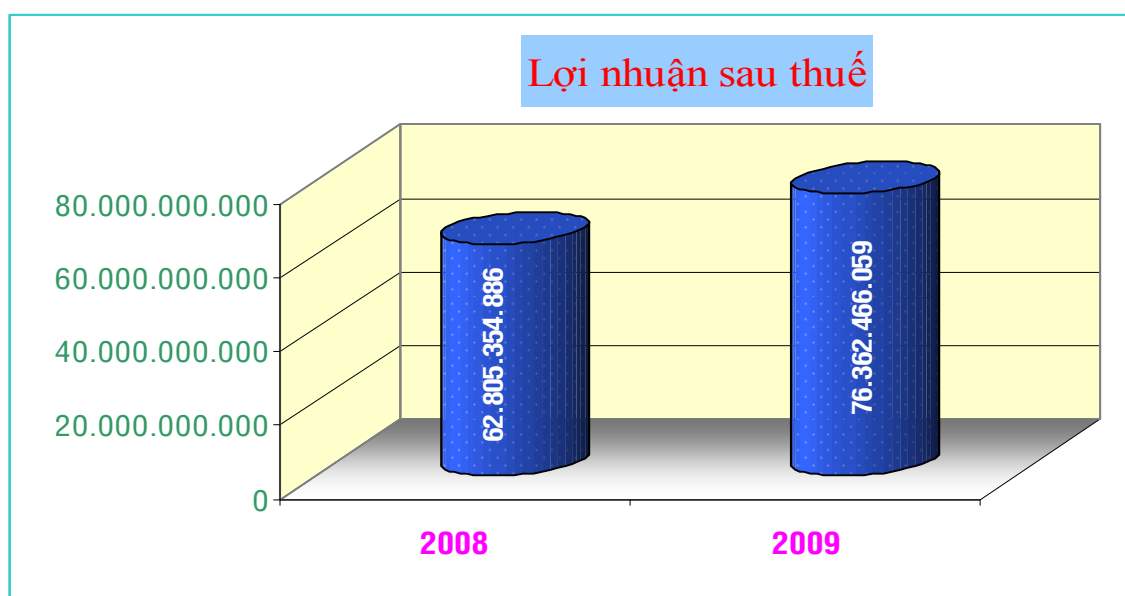
*** Biểu đồ so sánh doanh thu năm 2008 và 2009:**



*** Biểu đồ so sánh lợi nhuận trước thuế năm 2008 và 2009:**



*** Biểu đồ so sánh lợi nhuận sau thuế năm 2008 và 2009:**



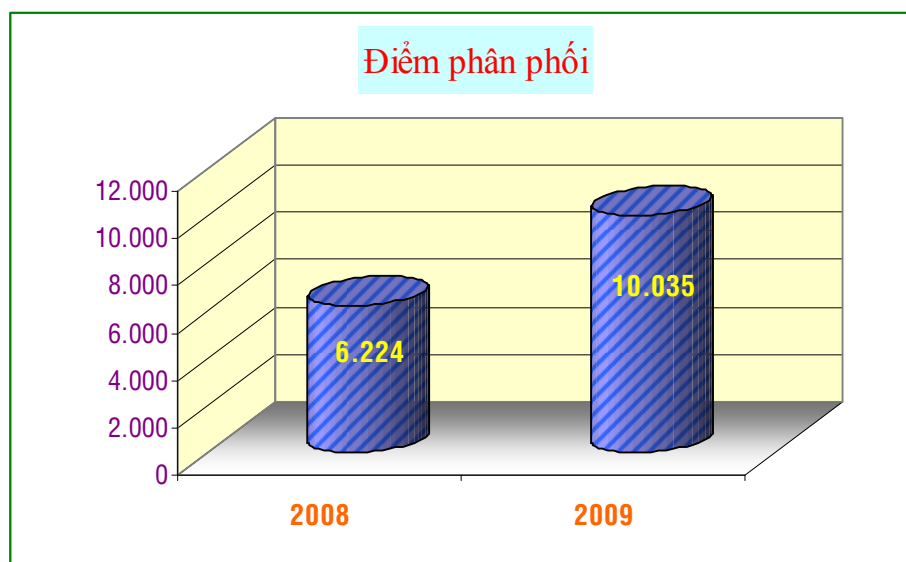
- Thực hiện doanh thu năm 2009: về doanh thu tăng 13,88% so với cùng kỳ, trong đó hàng sản xuất tăng 20,30% về doanh thu & 29,22% về sản lượng so với cùng kỳ; đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch năm.
- Mức tăng trưởng doanh thu năm 2009 chủ yếu đưa đến từ doanh thu hàng sản xuất của Công ty, từ 52,50%/ tổng doanh thu chung trong năm 2008 thì năm 2009 là 55,48 %/ tổng doanh thu chung trong năm 2009. Chỉ tiêu phân đầu hàng sản xuất của Công ty là chủ lực chiếm 90% vào năm 2013.

2.2. Về mở rộng thị trường:

- Hoạt động trong ngành Dược với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt, ý thức được điều đó mạng lưới kinh doanh của Công ty không ngừng phát triển vững mạnh, với 8 Chi Nhánh cùng hệ thống phân phối đạt tiêu chuẩn - Thực hành tốt phân phối thuốc - GDP và hệ thống nhà thuốc đạt chuẩn - Thực hành tốt nhà thuốc - GPP

Trong đó:

STT	TÊN CHI NHÁNH	HỆ THỐNG PHÂN PHỐI	ĐIỂM PHÂN PHỐI
1	Chi Nhánh Hải Dương	GDP	144
2	Chi Nhánh Hà Nội	GDP	817
3	Chi Nhánh Vinh	GDP	322
4	Chi Nhánh Đà Nẵng	GDP	1.387
5	Chi Nhánh TP.HCM	GDP	2.660
6	Chi Nhánh Miền Đông	GDP	1.553
7	Chi Nhánh Cần Thơ	GDP	1.123
8	Chi Nhánh Đồng Tháp	GDP, 2 TTPP GDP & 3 Nhà Thuốc đạt GPP	1.807
9	BPKDNPL-XK – NĐ	GDP – CTY DOMESCO	222
Tổng cộng : 10.035 điểm, tăng 61,23% (so với 6.224 điểm năm 2008)			



- Khai thác được lợi thế hệ thống Tổng kho đạt chuẩn: Thực hành tốt bảo quản thuốc - GSP để làm dịch vụ kho vận & dịch vụ phân phối cho Công ty Hisamitsu (Nhật bản) & Công ty Aguettant (Pháp) hòa cùng hệ thống phân phối lẻ của Công ty DOMESCO trong cả nước.

2.3. Về công tác Xuất Nhập khẩu :

- Nhập khẩu chủ yếu là nguyên phụ liệu đáp ứng theo nhu cầu sản xuất – kinh doanh của Công ty. Về doanh thu nguyên liệu tăng 10,93% so với cùng kỳ. Thực hiện đạt 100% kế hoạch năm 2009.

- Kim ngạch nhập khẩu tăng 0,54% so với cùng kỳ, trong đó về nguyên liệu tăng 26,80% do nhu cầu sản xuất của đơn vị phát triển về mặt hàng & sản lượng.
- Trong năm 2009 có nhiều văn bản pháp luật liên quan thủ tục xuất nhập khẩu ban hành, bên cạnh đó biểu thuế xuất nhập khẩu cũng liên tục thay đổi, công tác pháp lý theo dõi cập nhật kịp thời để áp dụng cho phù hợp.
- Xuất khẩu chính là những mặt hàng mà Công ty sản xuất, hiện nay Công ty đã mở rộng xuất khẩu sang các thị trường như Phillipines, Myanmar, Nhật Bản, HongKong, Singapore & 2 thị trường lân cận Lào, Campuchia. Đặc biệt là thị trường xuất khẩu Châu Phi, qua tập đoàn Tedis - Pháp tập trung qua 26 nước nói tiếng Pháp ở Châu Phi. **Về kim ngạch xuất khẩu năm 2009 đạt 900.000 USD.**

2.4. Sản Xuất & Nghiên cứu Phát triển:

2.4.1 Về sản xuất:

- Đăng ký sản phẩm tính đến 31/12/2009 Công ty DOMESCO đã có 417 mặt hàng được cấp số đăng ký với 215 hoạt chất chính :
 - Nhà máy Non Beta-lactam : 289 mặt hàng
 - Nhà máy Penicillin : 26 mặt hàng
 - Nhà máy Cephalosporin : 54 mặt hàng
 - Nhóm thực phẩm –Thực phẩm chức năng : 48 mặt hàng
- Trong năm 2009 sản xuất tăng 29,22% về sản lượng so với cùng kỳ, đáp ứng kịp thời nhu cầu cho kinh doanh xuất nhập khẩu của đơn vị.
- Trong năm 2009 đăng ký mới 32 mặt hàng, đăng ký lại 24 mặt hàng, trong đó có 11 mặt hàng Thực phẩm chức năng.
- Với danh mục sản phẩm rất đa dạng, mẫu mã phù hợp thị hiếu thị trường từ đó thu hút được người tiêu dùng trong cả nước & xuất khẩu.
- Năm 2009 là năm tái đánh giá lại hệ thống sản xuất đạt theo 3 P: Thực hành tốt sản xuất thuốc theo khuyến cáo của Tổ chức Y tế Thế giới - GMP WHO; Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm thuốc - GLP; Thực hành tốt bảo quản thuốc - GSP: gồm 2 Tổng kho tại Cụm Công nghiệp Cần Lố & khu Công nghiệp Tân Tạo TP.HCM.

2.4.2 Công tác Quản lý Chất lượng:

- Công tác quản lý chất lượng & kiểm tra chất lượng sản phẩm được duy trì nhằm đảm bảo sản phẩm đến tay người tiêu dùng đạt chất lượng cao, phòng kiểm nghiệm được trang bị đầy đủ trang thiết bị hiện đại như Máy Sắc ký lỏng khối phổ LCMSMS / Máy Phổ hấp thụ nguyên tử AAS / Máy Sắc ký khí khối phổ GCMS / Máy phân tích nhiệt DGS, ... đáp ứng yêu cầu kiểm tra chất lượng từ đầu vào nguyên liệu đến đầu ra thành phẩm. Phòng kiểm nghiệm được tiếp tục công nhận GLP & ISO/IEC 17025: 2005.
- Công tác quản lý chất lượng: Hệ thống chất lượng đã được áp dụng tích hợp trong toàn Công ty, đó là nhân tố tích cực bên trong để có thể kiểm soát được toàn bộ hoạt động của Công ty. Hệ thống sản xuất và phân phối đạt 5P.

Tích Hợp

ISO 9001: 2008 và GMP – WHO

ISO 14001:2004 và OHSAS 18001: 2007

Hệ thống Sản xuất : GMP + SCADA Phòng KTCL: GLP + ISO/IEC 17025:2005

Kho: GSP

Hệ thống Phân Phối: GDP - GPP

- Các Trung tâm Nghiên cứu kịp thời đáp ứng cho sản xuất những sản phẩm mới, cũng như đăng ký lại khi hết số đăng ký.
- Đã thử nghiệm đạt tương đương sinh học sản phẩm: Glucofine 500mg và 850mg; Zinmax 500mg; Amlodipin 5mg caps.
- Công tác kiểm tra chất lượng nguyên phụ liệu & thành phẩm kịp thời, phối hợp với Khối Kinh doanh phát hiện kịp thời những sản phẩm không đạt do ảnh hưởng của thị trường hoặc quy trình.
- Hệ thống chất lượng tích hợp GPs - ISO áp dụng và duy trì có hiệu quả đã được triển khai toàn Công ty.

2.4.3 Về sáng kiến – Giải pháp hữu ích:

- Với 5 mục tiêu chất lượng: Cải tiến công tác quản lý; Cải tiến kỹ thuật - phong phú hóa mặt hàng để nâng cao chất lượng sản phẩm; Giảm tối đa các yếu tố tác động bất lợi cho môi trường, các yếu tố ảnh hưởng đến An toàn & Sức khỏe Nghề nghiệp CB.CNLD; Giảm giá thành; Đảm bảo giao hàng đúng hẹn. Trong năm 2009 có 30 giải pháp cải tiến được đăng ký tại Hội đồng KHKT Tỉnh có 16 giải pháp đạt giải: 1 giải B; 10 giải C và 5 giải khuyến khích. Qua đó Công ty đã nhận được bằng khen của UBND Tỉnh về : “Thành tích xuất sắc trong tổ chức, vận động tham gia Hội thi sáng tạo KHKT Tỉnh Đồng Tháp lần thứ VII năm 2009”.
- Công ty được Bộ công thương phê duyệt chương trình Hóa Dược dự án: “Hoàn thiện qui trình chiết xuất Piperin tinh khiết từ hồ tiêu” vốn nghiên cứu từ ngân sách nhà nước
- Về nhãn hiệu hàng hóa, mặt hàng “DOGARLIC - Trà xanh” của Công ty đạt giải sản phẩm tiêu biểu 1000 năm Thăng Long – Hà Nội do Ban tổ chức chương trình “Trí Tuệ Thăng Long - Hà Nội” bình chọn.
- Đội ngũ cán bộ nhân viên có trình độ chuyên môn phù hợp với công việc, nhiệt tình và năng động làm việc với tinh thần trách nhiệm cao. Hoạt động cải tiến và sáng tạo được duy trì nên hạn chế bớt sự cố và nâng cao ý thức tiết kiệm.

2.5. Về nguồn nhân lực :

Tính đến 31/12/2009: Tổng số CB.CNLD: 1.246 người

- * Đã đào tạo và tốt nghiệp năm 2009: 12 DSDH chuyên khoa I về công nghiệp bào chế.
- * Đang đào tạo (học phí và các chế độ khác do Công ty tài trợ):
 - Sau Đại học:
 - Tiến sĩ chuyên ngành Dược: 01 người – hoàn thành năm 2011.
 - Thạc sĩ chuyên ngành Dược, Kiểm nghiệm, Hoá, Sinh, Cơ khí tự động hoá, Kinh tế...): 07 người.
 - Đại học chuyên ngành Dược, Y, Hoá, Sinh, Kinh tế... : 129 người, trong đó: Sẽ ra trường năm 2010 là 12; năm 2011 là 56 và năm 2012 là 67 người.
 - Cao đẳng & Trung học: 151 người – tốt nghiệp năm 2010 là 79; năm 2011 là 72 người.

3. Báo cáo về Đầu tư trong năm 2009 :

Căn cứ kế hoạch đầu tư từ năm 2009 đến năm 2010 ngày 19/3/2009 đã được Đại hội Cổ đông phê chuẩn.

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐQT và BB họp ngày 05/8/2009 của Hội đồng Quản trị.

Kết quả thực hiện năm 2009 như sau:

1. **Đã hoàn thành** Tổng kho tại KCN Tân Tạo- TP HCM (sử dụng vào T4/2009) và Nhà máy Chiết xuất Nguyên liệu Dược liệu công suất 250 tấn đvsp/ năm (sẽ nghiệm thu vào 30/03/2010).

2. Các dự án đang thực hiện:

- **Về kinh doanh:** Tiếp tục kiện toàn Hệ thống phân phối chuyên nghiệp như kho vùng tại Hà Nội và các chi nhánh ở Miền Bắc và Tây Nguyên

- **Về sản xuất:** Hoàn thiện hồ sơ thiết kế kỹ thuật các dự án Nhà máy sản xuất thuốc Non betalactam - viên cốm bột, Nhà máy sản xuất thuốc Non betalactam – thuốc tiêm và nhỏ mắt; Nhà máy bao bì; Liên danh thành lập công ty DOMENOL xây dựng Nhà máy sản xuất Cồn thực- dược phẩm. Tiếp tục triển khai xây dựng khu bảo tồn, khai thác, nuôi trồng, thu mua dược liệu đạt GACP – WHO tại Gò Thấp- Thấp Mười và Bảy núi (An Giang). Các hạng mục phụ trợ như Nhà máy xử lý nước thải, hạ tầng cụm Công nghiệp Cần Lố cũng đang tiếp tục tiến hành.

3. **Do tình hình suy thoái kinh tế thế giới,** các đối tác thay đổi không xúc tiến công tác đầu tư nên một vài dự án không triển khai thực hiện như: hợp tác kinh doanh nguyên liệu, xây dựng Nhà máy sản xuất nguyên liệu nhóm Cephalosporin, nguyên liệu hóa dược ngoài Cephalosporin và Trung tâm thử nghiệm BE/BA.

4. Phương hướng năm 2010:

Năm 2010, tuy dự báo kinh tế thế giới có những chuyển biến tích cực nhưng tín hiệu phục hồi vẫn còn yếu. Với một nền kinh tế có độ mở lớn, hội nhập sâu rộng với kinh tế thế giới và còn phụ thuộc khá nhiều vào các yếu tố bên ngoài như nước ta thì độ rủi ro và tính bất ổn định vẫn còn rất lớn, đặc biệt là vấn đề ngăn chặn lạm phát cao trở lại, song song với áp lực chi phí chung tăng cao như :

- Giá nguyên phụ liệu và bao bì tăng giảm thất thường làm đảo lộn các dự báo và ảnh hưởng kế hoạch sản xuất kinh doanh.
- Tỷ giá ngoại tệ tăng, nguồn ngoại tệ không được dồi dào.
- Hạn mức tín dụng bị hạn chế, lãi suất thỏa thuận 12% → 18%.
- Các nguồn năng lượng (điện, nước, xăng dầu, than ...) đều ở mức cao so với 2009.
- Chi phí bảo hiểm y tế, xã hội, công đoàn và chi phí vận chuyển đều tăng.
- Sức cạnh tranh của ngành Dược Việt Nam càng trở nên gay gắt nhất là đối với các Công ty nước ngoài có nhiều lợi thế về chi phí tiếp thị cùng với xu hướng sinh ngoại của người Việt Nam.

Những vấn đề trên sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến sức tiêu thụ và lợi nhuận của Công ty. Để thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ sản xuất – kinh doanh của năm 2010 Hội đồng Quản trị đưa ra phương hướng chỉ đạo Ban điều hành như sau:

- Lấy quyền lợi của cổ đông làm then chốt, tối đa hóa lợi nhuận. Vì vậy cần tập trung giành lấy thị phần là chính trong đó mức tiêu thụ sản phẩm do công ty sản

xuất phải đạt trên 60% trong doanh thu. Song song với việc phát triển kinh doanh trực tiếp hàng ngoại nhập nhằm đưa GDP tăng trưởng ít nhất 12% mà mục tiêu cốt lõi là đưa lợi nhuận tăng 25% so với 2009.

- DOMESCO chỉ tập trung đầu tư và hoạt động vào lĩnh vực Dược là trọng tâm đồng thời chọn lọc sản xuất những sản phẩm đặc trị có lợi nhuận tối ưu làm mục tiêu.
- Lấy 2 chiến lược cốt lõi làm kim chỉ nam cho mọi hành động, 2 chiến lược đó là:
 - Chiến lược khác biệt hóa; bao hàm cả sản phẩm, dịch vụ, bán hàng và tiếp thị mà đích nhắm là khách hàng, nhằm làm cho khách hàng có thể cảm nhận được sự khác biệt và lợi ích mà nó mang lại.
 - Chiến lược giảm phí bằng 2 công cụ cơ bản là 6 sigma và sản xuất tinh gọn mà DOMESCO đã ứng dụng.

Trong đó lấy chiến lược giảm phí là mũi nhọn.

+ Tăng cường hiệu suất về năng lực dự báo, nắm bắt cơ hội, chống rủi ro và nỗ lực duy trì sự thành công.

+ Ứng dụng có hiệu quả các công nghệ tiên tiến vào nghiên cứu - sản xuất trong đó lấy tự động hóa và công nghệ sinh học làm kim chỉ nam.

+ Kiện toàn và phát triển Hệ thống phân phối đạt các tiêu chuẩn GSP-GDP – GPP trên toàn quốc và được điều hành quản lý bằng phần mềm ERP.

+ Tham gia triển khai chương trình hóa dược của chính phủ có chọn lọc

+ Hội đồng Quản trị thường xuyên đối thoại với các Cổ đông và các Nhà đầu tư chiến lược, luôn duy trì họp lệ ít nhất một quý một lần và họp đột xuất khi có sự chuyển biến của tình thế kinh tế tài chính nhằm tập trung trí tuệ giải quyết và chỉ đạo kịp thời

III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

1. Báo cáo tình hình tài chính:

1.1 Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

BẢNG CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	2007	2008	2009
I.	Hệ số khả năng thanh toán				
	- Hệ số thanh toán tạm thời	Lần	3,29	2,52	2,06
	- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,62	1,36	1,14
	- Vòng quay các khoản phải thu bq	Vòng/năm	7,76	7,00	6,11
	- Số ngày thu tiền bình quân	Ngày	34,80	52,16	59,78
	- Vòng quay hàng tồn kho	Vòng/năm	3,41	3,71	4,69
	- Số ngày luân chuyển hàng tồn kho bình quân	Ngày	79,21	98,40	77,82
	- Vòng trả nợ bình quân	Vòng/năm	7,71	8,88	10,90
	- Số ngày trả nợ bình quân				

	- Chu kì luân chuyển thành tiền	Ngày	35,03	41,08	33,50
		Ngày	78,99	109,48	104,10
II.	Chỉ tiêu hiệu quả hoạt động				
	- Hệ số tạo doanh thu/Tổng tài sản	Lần	1,35	1,53	1,50
	- Hệ số tạo doanh thu của TSCĐ	Lần	6,21	5,03	4,81
III.	Các chỉ tiêu Lợi nhuận hoạt động				
	- Tỷ suất lợi nhuận / Doanh thu	%	21,30%	27,75%	29,74%
	- Tỷ suất lợi nhuận HĐ KD/ Doanh thu	%	7,87%	7,92%	9,76%
	- Tỷ suất lợi nhuận ròng/ Doanh thu	%	7,91%	6,70%	7,15%
	- Tỷ suất lợi nhuận ròng/ Vốn điều lệ	%	46,61%	45,61%	42,88%
	- Tỷ suất lợi nhuận ròng/ Tổng tài sản (ROA)	%			
	- Tỷ suất lợi nhuận ròng/ Vốn CSH (ROE)	%	10,65%	10,25%	10,76%
			13,91%	13,33%	15,36%
IV	Cơ cấu vốn & Rủi ro tài chính				
	- Tỷ lệ Nợ dài hạn / Vốn chủ sở hữu	%	0,75%	0,03%	2,34%
	- Tỷ lệ nợ dài hạn/ Tổng tài sản	%	0,58%	0,03%	1,65%
	- Tỷ lệ nợ phải trả/ Vốn CSH	%	30,49%	28,81%	41,46%
	- Tỷ lệ nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	23,36%	22,37%	29,31%
	- Tỷ lệ vốn CSH/ Tổng nguồn vốn	%	76,64%	77,63%	70,69%
	- Tỷ lệ TSCĐ/ Tổng tài sản	%	21,67%	30,41%	31,28%
	- Khả năng thanh toán nợ dài hạn	Lần	22,24	508,59	8,03
V	Các chỉ tiêu tăng trưởng				
	- Tỷ lệ tăng trưởng doanh thu	%	23,04%	15,61%	13,88%
	- Tỷ lệ tăng trưởng giá vốn	%	21,34%	6,13%	10,74%
	- Tỷ lệ tăng trưởng lợi nhuận HĐ SX KD	%	20,28%	16,43%	40,35%
	- Tỷ lệ tăng trưởng lợi nhuận ròng	%	32,07%	-2,14%	21,59%
	- Tỷ lệ tăng trưởng tổng tài sản	%	58,56%	1,67%	15,83%
	- Tỷ lệ tăng trưởng tổng tài sản lưu động	%	66,42%	-23,75%	17,41%

- Tỷ lệ tăng trưởng tổng tài sản cố định	%	38,89%	77,87%	13,81%
- Tỷ lệ tăng trưởng nợ phải trả	%	-11,63%	-2,67%	51,77%
- Tỷ lệ tăng trưởng vốn CSH	%	109,21%	2,99%	5,48%

1.2 Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2009:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	2007	2008	2009
1	Giá trị sổ sách của cổ phiếu (BV)	Đồng/cp	33.502	34.716	28.409
2	Thu nhập mỗi cổ phần (EPS)	Đồng/cp	4.949	4.563	4.349

Giá trị sổ sách (BV) năm 2009 là 28.409 đ/cp thấp hơn năm 2008 là 34.716 đ/cp là do trong năm 2009 đã tiến hành chia thưởng cổ phiếu theo tỷ lệ 10:3 nên làm tăng khối lượng cổ phiếu lưu hành và pha loãng giá sổ sách và thu nhập mỗi cổ phần cũng như thế.

1.3 Những thay đổi về vốn:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	2007	2008	2009
1	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Đồng	137.699.990.000	137.699.990.000	178.093.360.000

1.4 Tổng số cổ phiếu đang lưu hành:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	2007	2008	2009
1	Tổng số cổ phiếu đang lưu hành	Cổ phiếu	13.769.999	13.569.999	17.503.519
2	Cổ phiếu quỹ	Cổ phiếu	0	200.000	305.817

1.5 Cổ tức & thưởng cổ phiếu trong năm 2009:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	2007	2008	2009
1	Cổ tức (tiền mặt)	Đồng	1.800	2.000	2.000
2	Cổ phiếu thưởng	Tỷ lệ	0	0	30%

Công ty luôn thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông với mức cao từ khi cổ phần hóa năm 2004 đến nay. Cụ thể năm 2004 (2160 đ/cp), năm 2005 (2160 đ/cp), năm 2006 (2060 đ/cp), năm 2007 (1800 đ/cp), năm 2008 (2000 đ/cp) và năm 2009 (2000 đ/cp – Đã thực hiện trong năm 2009 là 1.000 đ/cp và trả tiếp trong năm 2010 là 1.000 đ/cp). Ngoài ra, trong năm 2009, Công

ty đã thực hiện chia cổ phiếu thưởng theo tỷ lệ 10:3 cho cổ đông hiện hữu và đã thực hiện xong.

2. Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh qua 3 năm 2007-2009:

Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm vừa qua đạt được hiệu quả cao khi lợi nhuận vượt kỳ vọng. Kết quả này càng đáng tự hào hơn trong bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước bị ảnh hưởng từ khủng hoảng thị trường tài chính thế giới và suy thoái kinh tế toàn cầu.

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	2007	2008	2009
1	Doanh thu thuần	Đồng	811.126.494.750	937.760.612.839	1.067.897.302.992
2	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	64.265.698.636	74.494.100.706	112.188.063.962
3	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	64.182.009.436	62.805.354.885	76.362.466.059

Bước sang năm 2009, do ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, giá cả nguyên vật liệu biến động thất thường tác động tiêu cực đến hoạt động của Công ty. Vì vậy, trước bối cảnh kinh tế khó khăn, Công ty đã đặt kế hoạch sản xuất kinh doanh với mức lợi nhuận trước thuế năm 2009 là 85 tỷ đồng. Tuy nhiên, những chính sách điều tiết kinh tế vĩ mô của chính phủ như gói kích cầu kinh tế đã phát huy tác dụng và chính sách hỗ trợ lãi suất cho các doanh nghiệp góp phần giảm chi phí hoạt động doanh nghiệp. Do đó, trong năm 2009 HĐQT Công ty thống nhất điều chỉnh LNTT lên 93 tỷ đồng. Cùng với Hệ thống Quản trị của Công ty đã được nâng cấp lên một bước, giúp Công ty điều hành tốt hơn và kiểm soát chặt chẽ các chi phí. Chất lượng sản phẩm của Công ty được tăng cường. Kết thúc năm 2009, Công ty đạt được kết quả cao với mức lợi nhuận trước thuế 112 tỷ đồng, đạt 120% so với kế hoạch điều chỉnh & đạt 132% so với kế hoạch ban đầu thông qua tại Đại Hội đồng cổ đông ngày 27/03/2009.

3. Những thành tựu đạt được:

3.1 Phong trào Thi đua

- Phát huy thành quả đã đạt được từ năm 2008 đặc biệt là Danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới được Chủ tịch nước CH XHCN Việt Nam phong tặng cho tập thể CB.CNLD. Cùng với thành quả của hệ thống tích hợp, Công ty CP XNK Y tế DOMESCO được bình chọn là một trong 500 thương hiệu hàng đầu Việt Nam năm 2009 và là Công ty nằm trong bảng xếp hạng 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam năm 2009.
- Được trao tặng giải thưởng Sao Vàng Đất Việt 2009; Top 100 thương hiệu Việt Nam trong hội nhập quốc tế.
- Tiếp tục được người tiêu dùng bình chọn “Danh hiệu hàng Việt Nam chất lượng cao” lần thứ 12 (1999-2010).

Bên cạnh đó còn những thành tích nổi bật mà Công ty nhận được từ:

Tỉnh Ủy - Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Đồng Tháp:

- Bằng khen có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua giai đoạn I năm 2009.
- Cờ thi đua UBND Tỉnh về thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ dẫn đầu phong trào thi đua yêu nước giữa các Ngành tỉnh Khố 11A

- Bằng khen đơn vị có thành tích xuất sắc trong công tác phòng cháy, chữa cháy.

Bộ ngành khác:

- Cờ thi đua đơn vị có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua năm 2008 - Bộ Y tế cấp
- Bằng khen về Chi hội Dược DOMESCO đã có thành tích xuất sắc trong công tác Y Dược cổ truyền năm 2009 - Bộ Y tế cấp
- Danh hiệu : Doanh nghiệp tiêu biểu đã thực hiện xuất sắc công tác BHLĐ, ATLĐ trong sản xuất và kinh doanh – Bộ LĐ-TB&XH cấp
- Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong xây dựng, phát triển thương hiệu và tham gia hội nhập kinh tế quốc tế - Bộ Công Thương cấp.
- Cúp vàng: Giải thưởng Môi trường năm 2009 Công ty đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động bảo vệ Môi trường Việt Nam – Bộ Tài Nguyên & Môi Trường cấp
- Cúp vàng: về việc ghi nhận sự đóng góp của các doanh nghiệp tổ chức và cá nhân vì sự nghiệp giáo dục năm 2009 do Bộ Giáo Dục và Đào Tạo cấp.
- Bằng khen của Bộ Y tế về Thành tích xuất sắc trong công tác kiểm tra, giám sát, đảm bảo chất lượng thuốc năm 2009.

3.2 Trách nhiệm vì Cộng đồng :

Là doanh nghiệp Dược với Slogan “**Vì Chất Lượng cuộc sống**” Công ty DOMESCO luôn quan tâm đến công tác xã hội bằng những chương trình hướng về cộng đồng như: Chương trình khuyến học, chương trình vì ngày mai phát triển, ăn tết với người nghèo, xây dựng nhà tình thương, tình nghĩa, nuôi dưỡng Mẹ Việt Nam Anh hùng và các công tác từ thiện khác. Hàng năm Công ty dành ngân khoản kinh phí nhất định từ quỹ phúc lợi cho hoạt động này từ 1,5 – 2 tỷ đồng. Từ các chương trình trên Công ty đã nhận được bằng khen của nhiều tổ chức như:

- Chứng nhận Công ty đạt giải DOANH NGHIỆP VÌ CỘNG ĐỒNG Lần I năm 2009.
- Giải nhất về lĩnh vực môi trường Giải thưởng TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI DOANH NGHIỆP (CSR) năm 2009.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

4.1 Kế hoạch doanh thu – Lợi nhuận năm 2010:

STT	Tiêu chí	Chỉ tiêu 2010 (đồng)	Tăng trưởng
1	Tổng doanh thu bán hàng Trong đó: - Doanh thu hàng sản xuất - Doanh số hàng khác	1.200.522.400.000 805.310.000.000 395.212.400.000	12,00 % 35,40 %
2	Lợi nhuận trước thuế	130.518.000.000	25,00 %
3	Cổ tức/ năm	22 %	10%
4	Nhân sự (người)	1.250 – 1.300	7,00 %
5	Lương bình quân/ người/ tháng	5.500.000	7,00 %

4.2 Giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2010:

Theo nhiều dự báo chung, tình hình kinh tế thế giới năm 2010 sẽ có chuyển biến tích cực hơn, nhưng khó khăn còn nhiều, những tín hiệu phục hồi vẫn còn yếu, nhất là những nền kinh tế hiện là nguồn đầu tư và thị trường xuất khẩu lớn của nước ta. Sau khủng hoảng, quá trình tái cấu trúc nền kinh tế và thể chế tài chính toàn cầu sẽ diễn ra mạnh hơn. Cơ cấu sản xuất, tiêu dùng và chiến lược thị trường của nhiều quốc gia sẽ có sự thay đổi. Chủ nghĩa bảo hộ có xu hướng gia tăng. Tình hình đó đặt ra những vấn đề mới, tác động đến sự phát triển của nước ta và các doanh nghiệp trong cả nước. Tuy nhiên với năng lực lãnh đạo, trình độ dự báo và khả năng phản ứng chính sách của Đảng và nhà nước, tác động của các nhân tố như các chính sách kích thích kinh tế, hệ thống tài chính sẽ sớm được phục hồi, tình hình kinh tế xã hội sẽ tiếp tục phát triển theo chiều hướng tích cực

Đối với ngành Dược, dự báo thời gian tới thị trường dược phẩm sẽ vẫn có biến động về giá cả. Giá thuốc sản xuất trong nước có thể tăng giảm nhẹ do phụ thuộc giá nguyên liệu đầu vào phải nhập khẩu từ nước ngoài và biến động của tỷ giá giữa đồng Việt Nam và đồng Đô la Mỹ. Một số mặt hàng thuốc thành phẩm nhập khẩu có thể tăng ít do tỉ giá giữa đồng đôla Mỹ, đồng Euro và đồng Việt Nam tăng theo thị trường. Nguồn cung ứng thuốc đủ đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh.

CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN :

Năm 2010 là năm có nhiều thời cơ và thuận lợi hơn so với năm 2009, song cũng có không ít thách thức khó khăn; tất cả CB.CNLD trong toàn công ty phải nỗ lực, tận dụng mọi thời cơ để thực hiện thành công các mục tiêu phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty. Đặc biệt những kết quả đạt được trong những năm qua sẽ là tiền đề phát triển cho năm 2010.

- Căn cứ vào Định hướng chiến lược hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2009-2010 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị ngày 06/01/2009.
- Căn cứ vào các Mục tiêu chiến lược và các giải pháp cơ bản của nghị quyết Đại Hội 5 năm nhiệm kỳ II 2009- 2013. HĐQT – Tổng Giám đốc điều hành Công ty CP XNK Y tế DOMESCO đề ra các giải pháp thực hiện như sau:

4.2.1 Phát triển kinh doanh- Xuất nhập khẩu:

Với phương châm: ***“Nơi nào có sử dụng thuốc là nơi đó có sản phẩm của DOMESCO”***

- Triển khai và kiện toàn đề án Hệ thống phân phối đạt GDP trong toàn quốc, ứng dụng hiệu quả hoạt động cung ứng Logistics và công cụ quản lý phần mềm ERP. Đẩy mạnh hoạt động theo hướng đa dạng hóa sản phẩm, đa dạng hóa thị trường, thiết lập các kênh phân phối hiện đại.
- Xây dựng 3 điểm đạt GDP với các Công ty có đề án liên kết với DOMESCO như : Công ty CP Dược phẩm Tây Ninh, Công ty CP Dược VTYT Bình Thuận và Công ty CP Dược phẩm Bạc Liêu và chuỗi nhà thuốc đạt tiêu chuẩn GPP.
- Chuyển đổi Bộ phận Kinh doanh Nội địa thành Bộ phận Kinh doanh Sản phẩm Chuyên trách với nhiệm vụ cơ bản là làm thế nào tiêu thụ sản phẩm do Công ty sản xuất là mục tiêu sống còn của Công ty, song song cử 1 Cán bộ chuyên trách hàng ngoại nhập. Tiến hành nghiên cứu thị trường bằng phương thức Micro Marketing (phân khúc thị trường) để có biện pháp Marketing hữu hiệu giành lấy thị phần và mở rộng thị trường.
- Tăng cường tiêu thụ Nguyên phụ liệu, phát triển thêm các mặt hàng nguyên liệu mới nhằm đáp ứng ngày càng nhiều nhu cầu của các Nhà sản xuất thực, dược phẩm.
- Về xuất khẩu: Giữ vững thị trường hiện có, mở rộng thị trường mới, phát triển thêm mặt hàng mới và đa dạng hóa ngành hàng
- Thành lập thêm các chi nhánh, Văn phòng đại diện trong và ngoài nước khi cần.

4.2.2 Phát triển Sản xuất:

- Về sản xuất: Chú trọng áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, lấy công nghệ tự động hóa và ứng dụng thành công công nghệ chiết xuất dược liệu song song với công nghệ sinh học làm mũi nhọn.
- Tập trung sản xuất các mặt hàng chủ lực với sản lượng và lợi nhuận cao mà thị trường đang cần .
- Cải tiến và ổn định các qui trình sản xuất, tập trung các sản phẩm đã và đang xuất khẩu.
- Cải tiến nhằm cắt giảm chi phí trong quá trình sản xuất, giảm giá thành sản phẩm, tăng năng suất lao động nhằm tối ưu hóa lợi nhuận và tạo cơ hội cạnh tranh trong kinh doanh bằng giải pháp sản xuất tinh gọn song hành với SCADA.
- Triển khai hết công suất nhà máy hiện hữu như Dây chuyền Viên nang trong đó chú trọng Viên nang mềm làm mục tiêu.

4.2.3 Phát triển Nghiên cứu & Ứng dụng khoa học công nghệ:

- Năng động - Tốc độ - Sáng tạo, xây dựng vườn ươm tài năng trẻ tạo mọi điều kiện thuận lợi cho những lực lượng khoa học kỹ thuật, không phân biệt ngành nghề, vị trí công tác mà cần có đam mê và hoài bão, đào sâu nghiên cứu nhằm nắm bắt kịp sự phát triển của khoa học hiện đại và ứng dụng thành công tạo ra nhiều sản phẩm tối ưu.
- Liên kết với các trường, viện, bệnh viện, Trung tâm nghiên cứu khoa học trong nước và ngoài nước nhằm tiếp thu, ứng dụng các công nghệ bào chế tiên tiến, tiến hành thử nghiệm tương đương & khả dụng sinh học (BE, BA), đồng thời kịp thời nắm bắt được các hoạt chất GENERIC sắp hết bản quyền để kịp thời sản xuất chiếm lấy thời cơ, tạo lợi thế cạnh tranh mà không vi phạm luật sở hữu trí tuệ.
- Khác biệt hóa và giảm phí là phương châm trong mọi hoạt động nghiên cứu và giám sát hệ thống chất lượng – quản lý môi trường.
- Kiến tạo sản phẩm có giá trị cao, các sản phẩm có dạng bào chế mới (tan chậm, phân liều, khí dung, tan nhanh) và 6 nhóm trọng yếu (tim mạch, đái tháo đường, nội tiết, thần kinh, tiêu vi, ung thư)
- Nghiên cứu chiết xuất nguyên liệu dược liệu phục vụ nhu cầu sản xuất của Công ty và xuất khẩu
- Phát triển công nghệ sinh học và các sản phẩm từ công nghệ sinh học.
- Từng bước triển khai đầu tư ứng dụng công nghệ tự động hóa hiện đại trong sản xuất, kiểm soát hoạt động toàn diện dây chuyền sản xuất nâng cao năng suất – chất lượng công việc bằng công cụ quản trị SCADA.
- Khối Chất lượng: Lấy chất lượng toàn diện làm chủ đạo, lấy tiêu chuẩn chất lượng của EU-FDA làm mục tiêu phát triển. Hoàn thiện hệ thống chất lượng toàn diện và ứng dụng thành công Mô hình hướng tới sự tuyệt hảo nhằm đạt Giải thưởng Malcolm Baldrige của Mỹ.
- Duy trì áp dụng hoạt động toàn diện hệ thống quản lý chất lượng, kết nối ISO 14001, ATLD, PCCC trong tất cả các hoạt động của Công ty. Giám sát việc triển khai thực hành GDP và GPP theo qui định Bộ Y tế.
- Triển khai, ứng dụng có hiệu quả các dự án về Six Sigma trong mọi hoạt động của Công ty .
- Chọn lọc và đưa vào kế hoạch thực hiện 20 sản phẩm chiến lược để thực hiện tương đương sinh học (BA/BE) và lâm sàng.
- Xây dựng hoàn thiện đưa vào chứng nhận đạt GMP-WHO nhà máy chiết xuất nguyên liệu dược liệu đồng hành với hệ thống nuôi trồng đạt GACP.
- Tham gia đăng ký các chương trình trọng điểm mục tiêu phát triển công nghiệp Hóa dược từ hợp chất thiên nhiên.

4.2.4 Tài chính và Đầu tư:

- Tuân thủ các chuẩn mực kế toán, Luật kế toán đã ban hành.

- Tập trung sử dụng tất cả các ưu thế của DOMESCO mà các Ngân hàng thương mại tại TP.HCM ưu đãi
- Kết hợp cùng bộ phận kinh doanh mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty.
- Triển khai thực hiện có hiệu quả các dự án, đề án đầu tư phát triển phục vụ sản xuất kinh doanh, ứng dụng và thực hiện tốt các quy định pháp luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản. Tận dụng các chính sách ưu đãi của nhà nước đối với doanh nghiệp nhằm đưa đến hiệu quả cao nhất. Đẩy mạnh công tác kêu gọi đầu tư, chú trọng các dự án có công nghệ tiên tiến.
- Ứng dụng phần mềm VS-ERP (hệ thống quản lý tích hợp: nghiệp vụ – kế toán – kho).

4.2.5 Phát triển nguồn Nhân lực:

- Đầu tư con người có tri thức, sáng tạo, kỹ năng chuyên nghiệp là cốt lõi vì vậy cần chi phí tạo ra chính sách và cơ chế thỏa đáng nhằm thu hút nhân tài, giữ chân người giỏi.
- Đào tạo nội lực, sẵn lòng chất xám và tay nghề cao để tạo thành lực lượng khoa học kỹ thuật có năng lực tiếp thu tốt các công nghệ tiên tiến bao gồm cả công nghệ quản lý, tiếp thị, kinh doanh và sản xuất, nhất là công nghệ ứng dụng sinh học.

Kế hoạch đào tạo dự kiến năm 2010:

Stt	Ngành đào tạo	Năm 2010
I	Sau đại học:	Từ 20 -> 24 người dự thi
	+ Chuyên khoa I Dược lâm sàng	15 người
	+ Dược	02 -> 04 người
	+ Kinh tế	03 người
II	Đại học Dược	20 người dự thi

Số sinh viên Công ty đào tạo tốt nghiệp ra trường năm 2010 là 93 người, trong đó:

- Sau đại học : 02 người
- Đại học : 12 người
- Trung học : 79 người

GIA TĂNG MỐI QUAN HỆ THÂN THIẾT VỚI CÁC CỔ ĐÔNG, NHÀ ĐẦU TƯ & NHÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH :

- DOMESCO luôn vì lợi ích tối ưu của các Cổ đông mà hoạt động, luôn tăng cường mối quan hệ thân thiết, thường xuyên đối thoại, hiểu biết lẫn nhau.

- DOMESCO luôn kêu gọi và hợp tác với các nhà đầu tư chiến lược hiện hữu, tương lai đầy tiềm năng nhằm phát huy các thế mạnh của nhau đưa DOMESCO phát triển bền vững.

Để đạt được mong muốn trên, DOMESCO sẽ luôn nỗ lực hết mình bằng những công cụ trí tuệ & hệ thống quản lý hiệu quả nhất để không phụ lòng tin của các Cổ đông và nhà đầu tư chiến lược.

Trên đây là kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2010 cùng biện pháp thực hiện. Trong quá trình thực hiện tùy tình hình kinh tế tài chính mà các chỉ tiêu trên sẽ được điều chỉnh cho phù hợp, nhằm mục đích phục vụ quyền lợi cao cho các Cổ đông và người lao động.

HDQT – Ban Điều hành Công ty CP XNK Y tế DOMESCO xin được thông qua trước Đại Hội đồng Cổ đông, với những tiêu chí trên HDQT và Ban Điều hành Công ty DOMESCO cố gắng điều hành đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch năm 2010, tiếp tục củng cố cho những năm sau trong nhiệm kỳ II (2009-2013) với mục tiêu “DOMESCO hoạt động định hướng theo mô hình Công ty mẹ Công ty con”

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2009:

Báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH BDO Việt Nam:

Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến 31/12/2009 được lập theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật về kế toán (bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh báo cáo tài chính). Báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

A. Báo cáo của Hội đồng Quản trị:

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế DOMESCO trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế DOMESCO (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400460395 đăng ký thay đổi lần thứ 24 ngày 05 tháng 10 năm 2009 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, với vốn điều lệ là 178.093.360.000 đồng.

<i>Cổ đông góp vốn</i>	<i>Số cổ phần</i>	<i>Số tiền VND</i>	<i>%</i>
- Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	6.181.778	61.817.780.000	34,7
- Ông Huỳnh Trung Chánh	139.237	1.392.370.000	0,8
- Bà Nguyễn Thị Tiên	40.193	401.930.000	0,2
- Cổ đông khác	11.448.128	114.481.280.000	64,3
Cộng	17.809.336	178.093.360.000	100

Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn điều lệ của Công ty đã được Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Tháp chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 51030000015 đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 03 tháng 8 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 18 tháng 7 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 24 tháng 10 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 27 tháng 6 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 06 tháng 8 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 24 ngày 05 tháng 10 năm 2009.

Cho đến ngày kết thúc năm tài chính này, các cổ đông đã góp đủ vốn điều lệ.

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Huỳnh Trung Chánh	Chủ tịch HĐQT/Tổng giám đốc
Bà Nguyễn Thị Tiến	Phó Chủ tịch HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Công Toàn	Thành viên
Ông Trần Thanh Phong	Thành viên
Ông Trịnh Hoài Giang	Thành viên

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở chính tại số 66 Quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp .

Văn phòng đại diện đặt tại số 37 đường Thành Thái, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có các chi nhánh sau:

- Chi nhánh Đồng Tháp đặt tại số 32, đường Lê Anh Xuân, khóm 2, phường 2, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Chi nhánh Cần Thơ đặt tại lô A 325B-325C, khu dân cư 91B, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.
- Chi nhánh Hà Nội ở số 23N7A, khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
- Chi nhánh Đà Nẵng tại lô 23-24B20, Khu tái định cư Thanh Lộc Đán, Hòa Minh mở rộng, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.
- Chi nhánh Vinh đặt tại số 159 đường Trần Hưng Đạo, phường Đội Cung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
- Chi nhánh Hồ Chí Minh 1 ở Khu công nghiệp Tân Tạo, lô 24A-24B đường Trung Tâm, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Hồ Chí Minh 2 đặt tại số 24A-24B đường Trung Tâm, Khu Công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Miền Đông số R65 đường Võ Thị Sáu, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Chi nhánh Hải Dương số 77 Tam Giang, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

4. Hoạt động chính

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu thuốc, nguyên liệu, phụ liệu dùng làm thuốc cho người, vật tư y tế, trang thiết bị, dụng cụ y tế, hóa chất xét nghiệm; nước uống tinh khiết, nước khoáng thiên nhiên, và nước uống từ dược liệu; nguyên liệu, thành phẩm thực phẩm - thực phẩm chức năng, thực phẩm dinh dưỡng; thu mua nuôi trồng chế biến dược liệu làm thuốc.

Thời gian hoạt động của Công ty là chín mươi chín (99) năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (ngày 30 tháng 12 năm 2003).

5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH BDO Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty.

8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu:

- Chọn lựa phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

9. Phê chuẩn

Chúng tôi phê chuẩn Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.

Thành phố Cao Lãnh, ngày 22 tháng 3 năm 2010

**CHỦ TỊCH
HUỖNH TRUNG CHÁNH**

B. Báo cáo kiểm toán:

Số: 00087.HCM/67.09

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2010

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế DOMESCO

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế DOMESCO ("Công ty") bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 7 đến trang 37 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc Báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Cuộc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng cuộc kiểm toán của chúng tôi đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế DOMESCO, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Bùi Tuyết Vân

Giám Đốc Kiểm Toán

Chứng chỉ KTV số Đ.0071/KTV

Nguyễn Thủy Hoa

Kiểm Toán viên

Chứng chỉ KTV số Đ.0423/KTV

C. Bảng cân đối kế toán: (vào ngày 31 tháng 12 năm 2009)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		404.665.893.574	344.665.015.631
Tiền và tương đương tiền	110	4.1, 5.1	22.821.815.791	32.635.944.465
Tiền	111		22.821.815.791	32.635.944.465
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	0	4.211.794.000
Đầu tư ngắn hạn	121	4.6	0	10.330.950.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	4.6	0	(6.119.156.000)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		200.928.442.790	148.865.799.485
Phải thu khách hàng	131		200.073.520.045	143.403.792.119
Trả trước cho người bán	132	5.3	9.088.206.432	2.317.434.750
Các khoản phải thu khác	135	4.4	4.024.193.997	4.401.062.376
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(6.257.477.684)	(1.256.489.760)
Hàng tồn kho	140	4.3, 5.4	167.376.698.750	152.552.800.868
Hàng tồn kho	141		167.376.698.750	152.552.800.868
Tài sản ngắn hạn khác	150		13.538.936.750	6.398.676.813
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	3.569.235.062	1.663.871.449
Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.006.508.826	1.476.763.421
Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	6.963.192.355	3.258.041.943
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		305.311.235.452	268.263.596.854
Tài sản cố định	220		222.070.055.976	186.379.478.808
Tài sản cố định hữu hình	221	4.5, 5.7	130.454.112.474	98.367.745.001
Nguyên giá	222		204.968.122.293	155.373.011.712
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(74.514.009.819)	(57.005.266.711)
Tài sản cố định vô hình	227	4.5, 5.8	37.979.161.872	21.899.901.794
Nguyên giá	228		38.437.473.245	22.039.345.412
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(458.311.245)	(139.443.618)
Chi phí XDCB dở dang	230	5.9	53.636.781.630	66.111.832.013
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		78.213.960.000	78.158.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh				
Đầu tư dài hạn khác	252	4.6, 5.10	73.570.200.000	69.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	258	4.6, 5.11	4.643.760.000	10.208.000.000
	259	4.6, 5.12	0	(1.050.000.000)

Tài sản dài hạn khác	260		5.027.219.476	3.726.118.046
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8, 5.13	5.027.219.476	3.726.118.046
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		709.977.129.026	612.928.612.485

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
NỢ PHẢI TRẢ	300		208.072.721.602	137.100.651.741
Nợ ngắn hạn	310		192.924.207.705	135.460.967.942
Vay và nợ ngắn hạn	311	5.14	70.819.739.361	33.720.226.995
Phải trả người bán	312		72.396.892.281	65.310.106.908
Người mua trả trước tiền	313		8.783.936.312	14.120.070.708
Thuế & các khoản phải nộp nhà nước	314	5.15	19.090.924.929	9.272.558.518
Phải trả người lao động	315		16.885.274.946	9.685.308.104
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.16	4.947.439.876	3.352.696.709
Nợ dài hạn	330		15.148.513.897	1.639.683.799
Phải trả dài hạn khác	333	5.17	3.417.660.752	1.485.288.063
Vay & nợ dài hạn	334	5.18	11.541.101.700	0
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	4.9	189.751.445	154.395.736
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	4.10	501.904.407.424	475.827.960.744
Vốn chủ sở hữu	410	4.10	497.252.696.252	471.091.959.890
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.19	178.093.360.000	137.699.990.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		229.275.000.000	229.275.000.000
Cổ phiếu quỹ	414		(15.737.386.415)	(10.925.191.085)
Quỹ đầu tư phát triển	417		33.053.413.153	59.962.318.020
Quỹ dự phòng tài chính	418		10.560.423.609	7.557.455.320
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		62.007.885.905	47.522.387.635
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	5.20	4.651.711.172	4.736.000.854
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		4.651.711.172	4.736.000.854
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		709.977.129.026	612.928.612.485

Chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
1. Nợ khó đòi đã xử lý		627.654.051	627.654.051

2. Ngoại tệ các loại			
USD		66.620,63	135.742,19
EUR		15.120,47	20.015,46
GBP		0,39	0,39

D. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
Doanh thu cung cấp hàng hóa và dịch vụ	01	4.11, 6.1	1.071.895.125.105	941.224.745.266
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	3.997.822.113	3.464.132.427
Doanh thu thuần từ hàng hóa và dịch vụ	10	6.3	1.067.897.302.992	937.760.612.839
Giá vốn hàng hóa và dịch vụ	11	6.4	750.295.758.943	677.519.918.845
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		317.601.544.049	260.240.693.994
Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.11, 6.5	7.410.029.139	9.839.072.775
Chi phí tài chính	22	4.12, 6.6	6.714.971.345	27.629.845.448
Trong đó, chi phí lãi vay	23	4.7	5.153.557.779	4.909.839.189
Chi phí bán hàng	24	6.7	120.152.210.215	92.538.541.721
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.8	93.890.709.242	75.631.093.830
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		104.253.682.386	74.280.285.770
Thu nhập khác	31	6.9	12.973.462.864	235.763.868
Chi phí khác	32	6.10	5.039.081.288	21.948.932
Lợi nhuận khác	40		7.934.381.576	213.814.936
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		112.188.063.962	74.494.100.706
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.13, 6.11	35.825.597.903	11.688.745.821
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		76.362.466.059	62.805.354.885
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.12	4.349	4.563

E. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009)

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2009	Năm 2008
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	112.188.063.962	74.494.100.706
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ	02	18.054.891.706	15.729.744.537
	03	(2.168.168.076)	6.221.127.406

Các khoản dự phòng	04	569.969.388	(68.176.168)
(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	05	(7.019.180.251)	5.513.125.377
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	06	5.153.557.779	4.909.839.189
Chi phí lãi vay	08	126.779.134.508	106.799.761.047
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	09	(62.297.507.046)	(21.910.037.908)
(Tăng) giảm các khoản phải thu	10	(14.823.897.882)	60.205.540.001
(Tăng) giảm hàng tồn kho	11	(943.971.243)	(43.530.715.255)
(Tăng) giảm các khoản phải trả	12	(3.196.731.043)	302.865.195)
(Tăng) giảm chi phí trả trước	13	(5.097.695.767)	(4.909.839.189)
Tiền lãi vay đã trả	14	(25.095.660.054)	(6.047.866.901)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	2.613.460.864	1.735.342.500
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	(12.439.696.241)	(13.246.978.420)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	20	5.497.436.096	78.792.340.680
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(54.917.211.311)	(68.930.412.927)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	12.818.681.818	13.890.909
Tiền thu hồi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(295.860.000)	(15.667.725.402)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	11.919.147.100	10.998.123.100
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(4.570.200.000)	(60.000.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.509.886.275	2.809.320.961
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(31.535.556.118)	(130.776.803.359)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(4.812.195.330)	(10.925.191.085)
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	193.531.731.169	92.357.545.565
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(144.531.117.103)	(61.472.902.565)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(27.034.458.000)	(27.407.198.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	16.793.960.736	(7.447.746.085)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(9.244.159.286)	(58.432.208.764)

Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	32.635.944.465	91.999.977.061
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(569.969.388)	68.176.168
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	22.821.815.791	32.635.944.465

F. Thuyết minh báo cáo tài chính (năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế DOMESCO (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400460395 đăng ký thay đổi lần thứ 24 ngày 05 tháng 10 năm 2009 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn điều lệ của Công ty đã được Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Tháp chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 51030000015 đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 03 tháng 8 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 18 tháng 7 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 24 tháng 10 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 27 tháng 6 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 06 tháng 8 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 24 ngày 05 tháng 10 năm 2009.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu thuốc, nguyên liệu, phụ liệu dùng làm thuốc cho người, vật tư y tế, trang thiết bị, dụng cụ y tế, hóa chất xét nghiệm; nước uống tinh khiết, nước khoáng thiên nhiên, và nước uống từ dược liệu; nguyên liệu, thành phẩm thực phẩm- thực phẩm chức năng, thực phẩm dinh dưỡng; thu mua nuôi trồng chế biến dược liệu làm thuốc.

Thời gian hoạt động của Công ty là chín mươi chín (99) năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (ngày 30 tháng 12 năm 2003).

Công ty đã niêm yết cổ phiếu ở Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép niêm yết số 94/UBCK-GPNY do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 4 tháng 12 năm 2006. Mã chứng khoán là DMC.

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 66 Quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Văn phòng đại diện đặt tại số 37 đường Thành Thái, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có các chi nhánh sau:

- Chi nhánh Đồng Tháp đặt tại số 32, đường Lê Anh Xuân, khóm 2, phường 2, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Chi nhánh Cần Thơ đặt tại lô A 325B-325C, khu dân cư 91B, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.
- Chi nhánh Hà Nội ở số 23N7A, khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
- Chi nhánh Đà Nẵng tại lô 23-24B20, Khu tái định cư Thanh Lộc Đán, Hòa Minh mở rộng, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.
- Chi nhánh Vinh đặt tại số 159 đường Trần Hưng Đạo, phường Đội Cung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
- Chi nhánh Hồ Chí Minh 1 ở Khu công nghiệp Tân Tạo, lô 24A-24B đường Trung Tâm, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

- Chi nhánh Hồ Chí Minh 2 đặt tại số 24A-24B đường Trung Tâm, Khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Miền Đông số R65 đường Võ Thị Sáu, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Chi nhánh Hải Dương số 77 Tam Giang, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2009, tổng số nhân viên của Công ty là 1246 người, trong đó số nhân viên quản lý là 20 người (năm 2008, số nhân viên là 988).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Cơ sở của việc soạn lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Báo cáo tài chính được lập theo các nguyên tắc kế toán và luật định của Việt Nam có thể có một số khác biệt ở một số phương diện trọng yếu so với các Chuẩn mực kế toán Quốc tế cũng như các Nguyên tắc kế toán được thừa nhận rộng rãi ở quốc gia của người đọc báo cáo. Do đó, Báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các khu vực nằm ngoài phạm vi Việt Nam.

3.2 Sử dụng các ước tính kế toán

Việc soạn lập báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đòi hỏi Ban Tổng Giám đốc phải đưa ra các ước tính và giả thiết có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày lập các báo cáo tài chính cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho niên độ đang báo cáo. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

3.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng: chứng từ ghi sổ

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

4.2 Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài Đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế vào thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc đồng tiền khác với Đồng Việt Nam vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá của Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam (18.479 VND/USD) tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh và đánh giá lại được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ tài chính.

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá hàng tồn kho và đảm bảo giá trị được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thị trường có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu : nhập trước, xuất trước
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang : giá vốn nguyên vật liệu và chi phí nhân công trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung theo định mức hoạt động bình thường
- Thành phẩm : nhập trước, xuất trước
- Hàng hóa : bình quân gia quyền

4.4 Khoản phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác trừ đi khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi là dự phòng phần giá trị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán. Việc lập dự phòng nợ phải thu khó đòi được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ quá hạn từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm;
- 50% giá trị đối với khoản nợ quá hạn từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm;
- 70% giá trị đối với khoản nợ quá hạn từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm;
- Đối với nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án... thì Công ty dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động như dự kiến; các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi TSCĐ được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với qui định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ tài chính về việc ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản cho mục đích tính toán này như sau:

Loại tài sản cố định	Thời gian (năm)
<i>TSCĐ hữu hình</i>	
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 năm - 25 năm
Máy móc thiết bị	2 năm - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2 năm - 6 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 năm - 10 năm
TSCĐ khác	3 năm - 10 năm
<i>TSCĐ vô hình</i>	
Quyền sử dụng đất	47 năm - Vô thời hạn
Phần mềm máy vi tính	3 năm

4.6 Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể, thường nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các công ty con ít nhất 20% (hai mươi phần trăm) quyền biểu quyết.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp *giá gốc*. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác bao gồm đầu tư trái phiếu, cổ phiếu hoặc đầu tư vào đơn vị khác mà chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết),... và thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên một năm.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán

$$\text{Mức dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán} = \text{Số lượng chứng khoán bị giảm giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính} \times \left| \begin{array}{l} \text{Giá chứng khoán} \\ \text{hạch toán trên sổ} \\ \text{sách} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá chứng khoán} \\ \text{thực tế trên thị} \\ \text{trường} \end{array} \right|$$

4.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

4.8 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước được xác định theo giá trị ban đầu trừ (-) đi giá trị đã phân bổ lũy kế.

Việc phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí, trong đó:

Công cụ dụng cụ	3 năm
-----------------	-------

Thuê cửa hàng, văn phòng
Chi phí sửa chữa

2 năm - 10 năm
2 năm

4.9 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích lập vào cuối năm tài chính theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003. Mức trích lập quỹ 1% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu là khoản tiền hoặc tài sản do các cổ đông góp cổ phần tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối thể hiện kết quả kinh doanh (lợi nhuận, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

4.11 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời năm (05) điều kiện sau:

- Công ty đã trao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi bốn (04) điều kiện sau được thỏa mãn đồng thời:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Bao gồm các khoản doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác được coi là thực hiện trong kỳ, không phân biệt các khoản doanh thu đó thực tế đã thu được tiền hay sẽ thu được tiền.

4.12 Chi phí tài chính

Bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyên nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...; dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

4.13 Thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Các mặt hàng thuốc do Công ty sản xuất và kinh doanh chịu thuế suất 5%. Nước uống đóng chai, thực phẩm chức năng và rượu chịu thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Ưu đãi thuế TNDN

Đối với hoạt động sản xuất thuốc, Công ty được áp dụng thuế suất 20% (hai mươi phần trăm) trong 10 (mười) năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2004.

Đối với hoạt động kinh doanh và sản xuất khác, Công ty áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành là 25% (hai mươi lăm phần trăm).

Chi phí thuế TNDN

Chi phí thuế TNDN bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế giai đoạn hiện hành và thuế suất thuế TNDN hiện hành; và các điều chỉnh thuế TNDN của các giai đoạn trước vào thuế thu nhập giai đoạn hiện hành. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính, cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế hay chi phí không được khấu trừ.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.14 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty và người lao động đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp dựa trên lương cơ bản theo hợp đồng lao động với các tỷ lệ như sau:

	<i>Bảo hiểm xã hội</i>	<i>Bảo hiểm y tế</i>	<i>Bảo hiểm thất nghiệp</i>	<i>Cộng</i>
Công ty	15%	2%	1%	18%
Người lao động	5%	1%	1%	7%
Cộng	20%	3%	2%	25%

4.15 Chia cổ tức

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức tạm ứng được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Số cổ tức cuối kỳ được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông trong Đại hội thường niên.

4.16 Phương pháp trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập theo Điều lệ của Công ty như sau:

Quỹ đầu tư phát triển	20% lợi nhuận sau thuế
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế
Quỹ khen thưởng phúc lợi	15% lợi nhuận sau thuế

4.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền

	<u>31/12/2009</u> (VND)	<u>01/01/2009</u> (VND)
Tiền mặt - VND	5.195.817.161	7.907.539.514
Tiền gửi ngân hàng	(i) 17.625.998.630	24.728.404.951
	<u>22.821.815.791</u>	<u>32.635.944.465</u>

(i) Số dư tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 bao gồm:

	<i>Ngoại tệ</i>	<i>VND</i>
VND	-	15.949.542.341
USD	68.620,63 #	1.268.040.621
EUR	15.120,47 #	408.403.895
GBP	0,39 #	11.773
		<u>17.625.998.630</u>

5.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>31/12/2009</u> (VND)	<u>01/01/2009 (VND)</u>
Cổ phiếu	-	10.330.950.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	(6.119.156.000)
	<u>-</u>	<u>4.211.794.000</u>

5.3 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>31/12/2009</u> (VND)	<u>01/01/2009</u> (VND)
Thuế thu nhập cá nhân	458.824.145	1.320.214.796
Chi hệ tiền điện, nước cho Công ty Xây	52.425.000	52.425.000
Dựng 319 - Bộ quốc phòng		

Chi hộ chi phí quảng cáo Công ty TNHH Hóa Dược Đông Á	59.970.071	145.820.071
Phải thu tiền bồi thường hàng hóa bị hư hỏng từ Lupin	-	62.949.600
Chiết khấu mua hàng	1.467.499.172	-
Phải thu khác	(i) 1.985.475.609	2.819.652.909
	4.024.193.997	4.401.062.376

- (i) Trong đó, khoản phải thu lại các cá nhân đã nhận chuyển quyền mua lại nhà từ Công ty Xây lắp Vật liệu Xây dựng Đồng Tháp là 1.912.629.609 đồng. Vào năm 2007, Công ty đã ứng cho Công ty Xây lắp Vật liệu Xây dựng Đồng Tháp 3,11 tỷ đồng để đăng ký mua nhà phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Nhưng trong năm 2008, Công ty thay đổi nhu cầu sử dụng nên đã chuyển quyền mua nhà lại cho các cá nhân này.

5.4 Hàng tồn kho

	31/12/2009 (VND)	01/01/2009 (VND)
Hàng mua đang đi đường	2.542.255.930	186.225.900
Nguyên liệu, vật liệu	29.976.744.703	32.602.736.848
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.346.096.949	4.731.258.187
Thành phẩm	46.328.156.881	38.792.093.804
Hàng hóa	86.183.444.287	76.240.486.129
	167.376.698.750	152.552.800.868

5.5 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2009 (VND)	01/01/2009 (VND)
Công cụ dụng cụ ở xưởng	1.834.584.933	767.060.137
Công cụ dụng cụ ở văn phòng	895.084.609	703.528.024
Chi phí khác	839.565.520	193.283.288
	3.569.235.062	1.663.871.449

5.6 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2009 (VND)	01/01/2009 (VND)
Tạm ứng	1.782.174.504	1.031.685.828
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	(i) 5.181.017.851	2.226.356.115
	6.963.192.355	3.258.041.943

- (i) Đây là khoản ký quỹ dự thầu thuốc.

5.7 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc (VND)	Máy móc, thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn (VND)	Thiết bị, dụng cụ quản lý (VND)	Tổng cộng (VND)
NGUYÊN GIÁ	-	-	-	-	-
01/01/2009	71.349.060.946	69.251.080.632	9.025.795.899	5.747.074.235	155.373.011.712
Mua trong kỳ	1.608.197.402	5.662.925.220	7.794.969.538	3.114.924.430	18.181.016.590
Đầu tư XDCB	32.045.186.570	-	-	-	32.045.186.570

Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO

Thanh lý, nhượng bán	(468.887.345)	-	-	(162.205.234)	(631.092.579)
31/12/2009	104.533.557.573	74.914.005.852	16.820.765.437	8.699.793.431	204.968.122.293
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2009	16.836.487.514	33.402.999.851	4.308.369.755	2.457.409.591	57.005.266.711
Chi phí khấu hao	5.244.418.064	9.509.228.349	1.649.273.124	1.333.104.414	17.736.023.951
Khấu hao của TS hình thành từ quỹ phúc lợi	46.326.704	-	-	-	46.326.704
Thanh lý, nhượng bán	(111.402.313)	-	-	(162.205.234)	(273.607.547)
31/12/2009	22.015.829.969	42.912.228.200	5.957.642.879	3.628.308.771	74.514.009.819
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2009	54.512.573.432	35.848.080.781	4.717.426.144	3.289.664.644	98.367.745.001
31/12/2009	82.517.727.604	32.001.777.652	10.863.122.558	5.071.484.660	130.454.112.474
Trong đó,					
- Nguyên giá TS đã khấu hao hết	9.110.811.500	16.868.185.499	1.837.811.689	1.358.446.145	29.175.254.833

5.8 Tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (VND)	Phần mềm máy tính (VND)	Tổng cộng (VND)
NGUYÊN GIÁ	-	-	-
01/01/2009	21.342.127.284	697.218.128	22.039.345.412
Mua trong kỳ	21.078.127.833	-	21.078.127.833
Thanh lý, nhượng bán	(4.680.000.000)	-	(4.680.000.000)
31/12/2009	37.740.255.117	697.218.128	38.437.473.245
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
01/01/2009	-	139.443.618	139.443.618
Khấu hao trong kỳ	179.424.123	139.443.632	318.867.755
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
31/12/2009	179.424.123	278.887.250	458.311.373
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2009	21.342.127.284	557.774.510	21.899.901.794
31/12/2009	37.560.830.994	418.330.878	37.979.161.872
Trong đó,			
- Thẻ chấp, cầm cố	16.686.443.477	-	16.686.443.477

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2009		01/01/2009	
	Tổng giá trị dự toán (Triệu VND)	Thời gian dự kiến hoàn thành	Số dư (VND)	Số dư (VND)
Văn phòng CN TP. Hồ Chí Minh	-	-	-	5.758.340.143
Công trình KCN Cần Lố	-	-	582.555.501	21.511.101.735
Quyền sử dụng đất	-	-	-	13.136.410.000
Chi phí san lấp, xây dựng, hạ tầng kỹ thuật	-	-	582.555.501	8.374.691.735

Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO

Tổng kho II - Tân Tạo			13.889.626.195	28.218.856.478
Quyền sử dụng đất			12.929.673.517	14.306.355.781
Chi phí san lấp, xây dựng, công trình phụ			959.952.678	13.912.500.697
Nhà máy sản xuất thuốc nguồn gốc dược liệu (i)	130.521	Tháng 4/2010	36.657.207.326	4.607.839.516
Nhà máy SX thuốc viên- cốm-bột	207.200	Năm 2011	153.939.091	109.939.091
Chi nhánh Vinh	5.132	Năm 2011	17.057.000	3.063.075.000
Văn phòng CN Đồng Tháp			-	1.683.333.000
KCN Dược-Mỹ-Thực phẩm			136.363.636	136.363.636
Tổng kho thành phẩm Cần Lố			-	579.183.049
Nhà máy bao bì DOMEPACK (KCN Tân Tạo)	25.715	Năm 2011	373.642.500	-
Hệ thống xử lý nước thải	15.400	Năm 2010	171.261.055	-
Nhà máy cồn DOMENOL	14.000	Năm 2010	145.393.300	-
Đất trồng dược liệu			983.310.060	-
Khác			526.425.966	443.800.365
			53.636.781.630	66.111.832.013

- (i) Quyền sở hữu công trình xây dựng và dây chuyền máy móc thiết bị của Nhà máy dược dùng để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam-Chi nhánh Đồng Tháp (xem chi tiết ở thuyết minh 5.18 (i)).

5.10 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

		31/12/2009	01/01/2009
		(VND)	(VND)
Đầu tư vào công ty liên kết			
Công ty Cổ phần Y Dược Domedic (DOMEDIC)	(i)	13.570.200.000	9.000.000.000
Công ty Cổ phần Domenal (DOMENAL)	(ii)	40.000.000.000	40.000.000.000
Công ty Cổ phần Bao Bì Công Nghệ Cao Vinh Tường (VIPACO)	(iii)	20.000.000.000	20.000.000.000
		73.570.200.000	69.000.000.000

- (i) Công ty Cổ phần Y Dược Domedic (DOMEDIC) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5103000079 đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 4 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 02 tháng 11 năm 2009 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp với vốn điều lệ là 60 tỷ đồng. Trong đó, Công ty nắm giữ 1,35 triệu cổ phiếu, tương đương 22,5% quyền biểu quyết. Hoạt động chính của Domedic là khám và chữa bệnh, bán lẻ thuốc thành phẩm.
- (ii) Công ty Cổ phần Domenal (DOMENAL) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5103000099 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 3 năm 2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp với vốn điều lệ là 125 tỷ đồng. Trong đó, Công ty nắm giữ 4 triệu cổ phiếu, tương đương 32% quyền biểu quyết. Hoạt động chính của Domenal là sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu thuốc thú y, chế phẩm sinh học, hóa chất dùng trong thú y; thuốc thú y thủy sản; thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản; thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; các loại hóa chất và thiết bị máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp.

- (iii) Công ty Cổ phần Bao Bì Công Nghệ Cao Vĩnh Tường (VIPACO) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 460300373 đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 7 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 11 tháng 7 năm 2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương với vốn điều lệ là 50 tỷ đồng. Trong đó, Công ty nắm giữ 10.000 cổ phiếu, tương đương 20% quyền biểu quyết. Hoạt động chính của VIPACO là sản xuất bao bì từ hạt nhựa nguyên sinh và kinh doanh bao bì nhựa.

5.11 Đầu tư dài hạn khác

		31/12/2009	01/01/2009
		(VND)	(VND)
Cổ phiếu	(i)	4.630.560.000	10.134.700.000
Trái phiếu chính phủ		13.200.000	73.300.000
		4.643.760.000	10.208.000.000
(i) Bao gồm	<i>Mệnh giá</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Giá mua</i>
		<i>cổ phiếu</i>	<i>bình quân</i>
			31/12/2009
			(VND)
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPV	100.000	100	100.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Giang	10.000	47.000	13.319
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bình Thuận	100.000	18.180	203.449
Công ty Cổ phần Dược phẩm Tây Ninh	100.000	798	110.000
Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Đắc Lắc	10.000	17.340	12.000
			4.630.560.000
			-

5.12 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2009	01/01/2009
	(VND)	(VND)
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán		
Công ty Bảo vệ Thực vật An Giang	-	1.050.000.000
	-	1.050.000.000
	-	-

5.13 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2009	01/01/2009
	(VND)	(VND)
Công cụ dụng cụ	3.468.115.547	3.355.779.997
Thuê cửa hàng, văn phòng	95.271.000	120.813.000
Chi phí sửa chữa	1.463.832.929	249.525.049
	5.027.219.476	3.726.118.046

5.14 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2009	01/01/2009
	(VND)	(VND)
Vay ngắn hạn		
Vay ngân hàng	(i) style="text-align: right;">36.691.739.361	
Công ty Cổ phần DOMENAL	(ii) style="text-align: right;">10.000.000.000	33.000.000.000
Công ty Cổ phần Y Dược DOMEDIC	(iii) style="text-align: right;">20.000.000.000	-
Vay cá nhân, tổ chức khác	40.000.000	40.000.000

Nợ dài hạn đến hạn trả

Vay ngân hàng	(iv)	4.088.000.000	680.226.995
		70.819.739.361	33.720.226.995

- (i) Đây là khoản vay tín chấp Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam với lãi suất từ 9,9%/năm đến 11,4%/năm, thời hạn vay 6 tháng, được sử dụng để thanh toán tiền hàng.
- (ii) Đây là khoản vay tín chấp không kỳ hạn với lãi suất từ 0,61%/tháng đến 0,667%/tháng.
- (iii) Đây là khoản vay tín chấp với lãi suất 9,5%/năm, thời hạn vay 3 tháng, đáo hạn vào ngày 19 tháng 01 năm 2010.
- (iv) Xem chi tiết ở thuyết minh số 5.18 (i)

5.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2009	01/01/2009
	(VND)	(VND)
Thuế giá trị gia tăng	2.063.567.113	2.032.296.451
Thuế tiêu thụ đặc biệt	4.870.535	2.770.595
Thuế xuất nhập khẩu	222.747.151	307.496.747
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.370.816.769	5.640.878.920
Thuế thu nhập cá nhân	364.377.831	1.276.374.610
Thuế tài nguyên	1.683.808	1.104.988
Các loại thuế khác	62.861.722	11.636.207
	19.090.924.929	9.272.558.518

5.16 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2009	01/01/2009
	(VND)	(VND)
Kinh phí công đoàn	2.400.528.837	1.665.317.289
Bảo hiểm xã hội	116.591.454	191.380.831
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	925.898.735	1.348.823.750
Kinh phí hoạt động công tác Đảng	143.154.839	143.154.839
Cổ tức	33.160.000	-
Sở Y Tế Lâm Đồng chuyển nhằm	897.500.285	-
Ông Phan Văn Rạng	337.434.563	-
Văn phòng đại diện TEDIS	89.151.163	-
Công ty Bảo vệ Long Hải	4.020.000	4.020.000
	4.947.439.876	3.352.696.709

5.17 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2009	01/01/2009
	(VND)	(VND)
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.417.660.752	1.485.288.063
	3.417.660.752	1.485.288.063

5.18 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2009	01/01/2009
	(VND)	(VND)
Vay ngân hàng	(i) 11.541.101.700	-

11.541.101.700

-

- (i) Đây là khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam-Chi nhánh Đồng Tháp có hạn mức 28.537.000.000 đồng, với lãi suất từ 6,9%/năm, thời hạn 5 năm kể từ tháng 6 năm 2009, nhằm đầu tư Nhà máy chiết xuất nguyên liệu-dược liệu, với tài sản đảm bảo là giá trị quyền sử dụng đất, quyền sở hữu công trình xây dựng và dây chuyền máy móc thiết bị của Nhà máy chiết xuất nguyên liệu-dược liệu.

5.19 Vốn chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400460395 đăng ký thay đổi lần thứ 24 ngày 05 tháng 10 năm 2009 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, cổ đông góp vốn của Công ty góp vào vốn pháp định như sau:

Cổ đông góp vốn	Số cổ phần	Số tiền VND	%
- Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	6.181.778	61.817.780.000	34,7
- Ông Huỳnh Trung Chánh	139.237	1.392.370.000	0,8
- Bà Nguyễn Thị Tiến	40.193	401.930.000	0,2
- Cổ đông khác	11.448.128	114.481.280.000	64,3
Cộng	17.809.336	178.093.360.000	100

Cho đến ngày kết thúc năm tài chính này, các cổ đông đã góp đủ vốn điều lệ.

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH (VND)	Thặng dư vốn cổ phần (VND)	Cổ phiếu quỹ (VND)	Quỹ đầu tư phát triển (VND)	Quỹ dự phòng tài chính (VND)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (VND)	Tổng cộng (VND)
01/01/2008	137.699.990.000	229.275.000.000	-	22.746.518.806	5.102.505.632	66.492.751.702	461.316.766.140
Lãi/(lỗ) trong kỳ trước	-	-	-	-	-	62.805.354.885	62.805.354.885
Hoàn nhập thuế TNDN	-	-	-	18.159.373.498	-	(18.159.373.498)	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	(10.925.191.085)	-	-	-	(10.925.191.085)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	(1.064.753.129)	(1.064.753.129)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	19.368.425.716	-	(19.368.425.716)	-
Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	2.454.949.688	(2.454.949.688)	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(9.164.849.064)	(9.164.849.064)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(27.407.198.000)	(27.407.198.000)
Thưởng cán bộ, nhân viên	-	-	-	-	-	(4.029.000.000)	(4.029.000.000)
Giảm khác	-	-	-	(312.000.000)	-	(127.169.857)	(439.169.857)
01/01/2009	137.699.990.000	229.275.000.000	(10.925.191.085)	59.962.318.020	7.557.455.320	47.522.387.635	471.091.959.890
Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển	40.393.370.000	-	-	(40.393.370.000)	-	-	-
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(4.812.195.330)	-	-	-	(4.812.195.330)
Kết quả hoạt động năm nay	-	-	-	-	-	76.362.466.059	76.362.466.059
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	(1.815.882.015)	(1.815.882.015)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	15.688.945.355	-	(15.688.945.355)	-
Trích quỹ dự phòng	-	-	-	-	3.002.968.289	(3.002.968.289)	-

Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO

TC							
Quỹ khen thưởng phúc lợi						(9.208.904.866)	(9.208.904.866)
Cổ tức						(27.034.458.000)	(27.034.458.000)
Chi đào tạo				(2.204.480.222)			(2.204.480.222)
Thưởng cán bộ, nhân viên						(4.818.549.264)	(4.818.549.264)
Giảm khác						(307.260.000)	(307.260.000)
31/12/2009	178.093.360.000	229.275.000.000	(15.737.386.415)	33.053.413.153	10.560.423.609	62.007.885.905	497.252.696.252

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2009	01/01/2009
	(VND)	(VND)
Cá nhân trong nước	24.532.270.000	14.778.960.000
Tổ chức trong nước	85.882.290.000	63.036.670.000
Cá nhân nước ngoài	807.310.000	557.030.000
Tổ chức nước ngoài	66.871.490.000	59.327.330.000
Thặng dư vốn cổ phần	229.275.000.000	229.275.000.000
Cổ phiếu quỹ	(15.737.386.415)	(10.925.191.085)
	391.630.973.585	356.049.798.915

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2009	Năm 2008
	(VND)	(VND)
<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>		
Vốn góp đầu kỳ	366.974.990.000	366.974.990.000
Vốn góp tăng trong kỳ	40.393.370.000	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	407.368.360.000	366.974.990.000

Cổ tức

Công ty đã công bố cổ tức của niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 20%. Trong năm 2009, Công ty đã chi trả cổ tức đợt cuối của năm 2008 và tạm ứng cổ tức đợt 1 của năm 2009 lần lượt là 13.569.999.000 đồng (100 đồng/cổ phiếu), 13.464.459.000 đồng (100 đồng/cổ phiếu).

Cổ tức cuối cùng cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 sẽ được đề xuất trong Đại hội cổ đông của Công ty tổ chức trong năm 2010.

Cổ phiếu

	31/12/2009	01/01/2009
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.809.336	13.769.999
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	17.809.336	13.769.999
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(305.817)	(200.000)
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	17.503.519	13.569.999
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2009	01/01/2009
	(VND)	(VND)
Quỹ đầu tư phát triển	33.053.413.153	59.962.318.020
Quỹ dự phòng tài chính	10.560.423.609	7.557.455.320
	43.613.836.762	67.519.773.340

5.20 Nguồn kinh phí và quỹ khác

Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Quỹ khen thưởng (VND)	Quỹ phúc lợi (VND)	Quỹ phúc lợi hình thành TSCĐ (VND)	Cộng (VND)
01/01/2009	134.463.851	494.711.003	4.106.826.000	4.736.000.854
Trích lập quỹ	3.202.671.446	6.006.233.420	-	9.208.904.866
Chi khen thưởng	(702.825.000)	-	-	(702.825.000)
Chi sinh nhật Công ty	(2.248.941.000)	-	-	(2.248.941.000)
Chi Tết Nguyên Đán	(108.000.000)	-	-	(108.000.000)
Chi quà tặng khách hàng	-	(966.483.217)	-	(966.483.217)
Chi hỗ trợ người nghèo	-	(1.026.943.001)	-	(1.026.943.001)
Chi phúc lợi cho người lao động	-	(1.826.896.785)	-	(1.826.896.785)
Khấu hao	-	-	(46.326.704)	(46.326.704)
Chi khác	-	(2.366.778.841)	-	(2.366.778.841)
31/12/2009	277.369.297	313.842.579	4.060.499.296	4.651.711.172
	-	-	-	-

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2009	Năm 2008
	(VND)	(VND)
Doanh thu bán hàng hóa	473.641.444.906	444.156.276.690
Doanh thu sản xuất thuốc	592.617.015.376	492.744.350.856
Doanh thu sản xuất nước tinh khiết	1.745.169.160	1.313.578.497
Doanh thu sản xuất rượu	372.486.329	311.875.209
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.519.009.334	2.698.664.014
	1.071.895.125.105	941.224.745.266

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2009	Năm 2008
	(VND)	(VND)
Hàng bán bị trả lại	3.997.822.113	3.464.132.427
	3.997.822.113	3.464.132.427

6.3 Doanh thu thuần

	Năm 2009	Năm 2008
	(VND)	(VND)
Doanh thu thuần	1.067.897.302.992	937.760.612.839

6.4 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm 2009	Năm 2008
	(VND)	(VND)
Giá vốn của hàng hóa đã bán	427.643.083.617	396.391.210.242
Giá vốn sản xuất thuốc	321.713.339.867	280.285.159.666
Giá vốn sản xuất nước tinh khiết	778.026.651	697.786.381
Giá vốn sản xuất rượu	161.308.808	145.762.556
	750.295.758.943	677.519.918.845

6.5 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2009	Năm 2008
	(VND)	(VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	564.485.775	2.200.473.461
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-	13.600.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.945.400.500	595.247.500
Lãi từ chuyển nhượng chứng khoán	12.359.980	17.628.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.545.533.879	6.309.551.998
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	68.176.168
Lãi bán hàng trả chậm	-	15.033.273
Chiết khấu	327.835.023	92.900.489
Doanh thu hoạt động tài chính khác	14.413.982	526.461.886
	7.410.029.139	9.839.072.775

6.6 Chi phí tài chính

	Năm 2009	Năm 2008
	(VND)	(VND)
Lãi tiền vay	5.153.557.779	4.909.839.189
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	815.580.866	308.303.092
Lỗ từ chuyển nhượng chứng khoán	4.294.851.133	8.665.836.697
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.043.644.003	8.300.697.445
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	569.969.388	-
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(6.119.156.000)	4.388.514.910
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	(1.050.000.000)	1.050.000.000
Chi phí tài chính khác	6.524.176	6.654.115
	6.714.971.345	27.629.845.448

6.7 Chi phí bán hàng

	Năm 2009	Năm 2008
	(VND)	(VND)
Chi phí vật liệu, bao bì	7.607.087.568	8.043.566.466
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	2.806.481.548	1.828.571.483
Chi phí quảng cáo	4.997.622.602	7.980.230.741
Thuê mặt bằng	2.261.123.498	2.650.402.351
Khuyến mãi	95.526.759.387	66.488.495.199
Bốc xếp	2.960.020.172	2.105.629.664
Liên hoan, tiếp khách, hội nghị	1.543.838.194	1.432.774.598
Chi phí nghiên cứu, phát triển thị trường	1.749.514.252	636.100.082
Khác	699.762.994	1.372.771.137
	120.152.210.215	92.538.541.721

6.8 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2009	Năm 2008
	(VND)	(VND)
Chi phí nhân viên quản lý	59.046.174.879	46.244.865.699
Chi phí vật liệu quản lý	1.118.988.646	1.129.277.756
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.865.212.749	7.003.829.680
Thuế, phí và lệ phí	1.739.962.218	1.151.338.304
Chi phí dự phòng	5.000.987.924	782.612.496
Chi phí tiếp khách	2.758.989.686	2.031.620.089
Chi phí điện, nước, điện thoại...	2.639.608.714	2.215.207.353
Chi phí dịch vụ bảo vệ	1.358.613.175	1.004.643.104
Công tác phí	5.607.379.990	6.706.386.464
Chi phí đào tạo	1.128.458.421	1.425.171.357
Chi phí bảo hiểm	526.670.721	297.326.715
Chi phí kiểm định, nghiên cứu	1.012.283.438	649.238.172
Chi phí sửa chữa	1.808.199.879	856.433.942
Hồ sơ mời thầu	257.596.200	346.647.355
Chi phí đồng phục	773.123.433	577.625.392
Chi phí khác	6.248.459.169	3.208.869.952
	93.890.709.242	75.631.093.830

6.9 Thu nhập khác

	Năm 2009	Năm 2008
	(VND)	(VND)
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản	500.000	13.890.909
Thu tiền bán hồ sơ thầu	18.181.819	47.472.730
Thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất	12.818.181.818	-
Thu nhập khác	136.599.227	174.400.229
	12.973.462.864	235.763.868

6.10 Chi phí khác

	Năm 2009	Năm 2008
	(VND)	(VND)
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý, nhượng bán	357.485.032	-
Giá trị còn lại của quyền sử dụng đất được chuyển nhượng	4.680.000.000	-
Chi phí khác	1.596.256	21.948.932
	5.039.081.288	21.948.932

6.11 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành

	Năm 2009	Năm 2008
	(VND)	(VND)
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế giai đoạn hiện hành (i)	35.825.597.903	11.688.745.821
	35.825.597.903	11.688.745.821

(i) Chi phí thuế TNDN ước tính trên thu nhập chịu thuế giai đoạn hiện hành

	Năm 2009	Năm 2008
	(VND)	(VND)
Hoạt động sản xuất	(VND)	(VND)
Hoạt động khác	(VND)	(VND)

Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	85.841.723.139	26.346.340.823	112.188.063.962	74.494.100.706
<i>Điều chỉnh chi phí không được trừ</i>				
Chi phí khác vượt 10% tổng chi phí hợp lý	61.407.872.430	2.101.774.830	63.509.647.260	39.516.239.869
<i>Điều chỉnh thu nhập không chịu thuế</i>				
Cổ tức nhận được	-	(2.945.400.500)	(2.945.400.500)	(586.247.500)
Lợi nhuận tính thuế TNDN	147.249.595.569	25.502.715.153	172.752.310.722	113.424.093.075
Thuế suất	20%	25%		
Thuế TNDN	29.449.919.114	6.375.678.789	35.825.597.903	23.377.491.642
Tỷ lệ được giảm				50%
Thuế TNDN được giảm	-	-	-	(11.688.745.821)
Chi phí thuế TNDN	<u>29.449.919.114</u>	<u>6.375.678.789</u>	<u>35.825.597.903</u>	<u>11.688.745.821</u>

6.12 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

		<u>Năm 2009</u>	<u>Năm 2008</u>
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(VND)	76.362.466.059	62.805.354.885
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	(VND)	-	-
		<u>76.362.466.059</u>	<u>62.805.354.885</u>
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	(Cổ phiếu)	17.558.301	13.763.443
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(VND/cổ phiếu)	<u>4.349</u>	<u>4.563</u>

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

(i) Trong năm tài chính và tại ngày kết thúc năm tài chính, các bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

<u>Công ty</u>	<u>Địa điểm</u>	<u>Quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Y Dược DOMEDIC	(Việt Nam)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần DOMENAL	(Việt Nam)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần bao bì công nghệ cao Vĩnh Tường	(Việt Nam)	Công ty liên kết

(ii) Giao dịch với các bên liên quan

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Nội dung giao dịch</u>	<u>Năm 2009 (VND)</u>	<u>Năm 2008 (VND)</u>
Công ty Cổ phần Y Dược DOMEDIC	Góp vốn	4.500.000.000	-
	Vay	20.000.000.000	-
	Bán hàng	940.734.881	749.837.131
	Lãi vay	321.944.444	-
Công ty Cổ phần DOMENAL	Góp vốn	-	40.000.000.000

Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO

	Vay	4.351.800.000	65.000.000.000
	Trả tiền vay	27.351.800.000	32.000.000.000
	Bán hàng	63.040.000	-
	Lãi vay	2.243.369.004	4.430.339.667
	Chi phí mua cổ phiếu của DOMEDIC	70.200.000	-
Công ty Cổ phần bao bì công nghệ cao Vĩnh Tường	Mua hàng	125.220.000	-

(iii) Số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan	Nội dung giao dịch	31/12/2009 (VND)	01/01/2009 (VND)
Công ty Cổ phần Y Dược DOMEDIC	Vốn góp	13.570.200.000	9.000.000.000
	Vay	20.000.000.000	-
	Phải thu bán hàng	330.538.772	212.126.284
Công ty Cổ phần DOMENAL	Vốn góp	40.000.000.000	40.000.000.000
	Vay	10.000.000.000	33.000.000.000
Công ty Cổ phần bao bì công nghệ cao Vĩnh Tường	Vốn góp	20.000.000.000	20.000.000.000
	Phải trả mua hàng	32.692.000	-

Thành phố Cao Lãnh, ngày 22 tháng 3 năm 2010
TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾ TOÁN TRƯỞNG

HUỲNH TRUNG CHÁNH

PHẠM NGỌC TUYỀN

V. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN:

1. Tổ chức nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp tại Công ty : không có
2. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức : không có
3. Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan :

		31/12/2009 (VND)	01/01/2009 (VND)
Đầu tư vào công ty liên kết			
CTCP Y Dược Domedic (DOMEDIC)	(i)	13.570.200.000	9.000.000.000
CTCP Domenal (DOMENAL)	(ii)	40.000.000.000	40.000.000.000
CTCP Bao Bì Công Nghệ Cao Vĩnh Tường (VIPACO)	(iii)	20.000.000.000	20.000.000.000
		73.570.200.000	69.000.000.000

- (i) Công ty Cổ phần Y Dược Domedic (DOMEDIC) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5103000079 đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 4 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 02 tháng 11 năm 2009 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp với vốn điều lệ là 60 tỷ đồng. Trong đó, Công ty nắm giữ 1,35 triệu cổ phiếu, tương đương 22,5% quyền biểu quyết. Hoạt động chính của Domedic là khám và chữa bệnh, bán lẻ thuốc thành phẩm.
- (ii) Công ty Cổ phần Domenal (DOMENAL) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5103000099 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 3 năm 2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp với vốn điều lệ là 125 tỷ đồng. Trong đó, Công ty nắm giữ 4 triệu cổ phiếu, tương đương 32% quyền biểu quyết. Hoạt động chính của Domenal là sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu thuốc thú y, chế phẩm sinh học, hóa chất dùng trong thú y; thuốc thú y thủy sản; thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản; thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; các loại hóa chất và thiết bị máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp.
- (iii) Công ty Cổ phần Bao Bì Công Nghệ Cao Vĩnh Tường (VIPACO) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 460300373 đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 7 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 11 tháng 7 năm 2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương với vốn điều lệ là 50 tỷ đồng. Trong đó, Công ty nắm giữ 10.000 cổ phiếu, tương đương 20% quyền biểu quyết. Hoạt động chính của VIPACO là sản xuất bao bì từ hạt nhựa nguyên sinh và kinh doanh bao bì nhựa.

Đầu tư dài hạn khác	Mệnh giá	Số lượng cổ phiếu	Giá mua bình quân	31/12/2009 (VND)
CTCP Dược phẩm CPV	100.000	100	100.000	10.000.000
CTCP Dược phẩm An Giang	10.000	47.000	13.319	626.000.000
CTCP Dược phẩm Bình Thuận	100.000	18.180	203.449	3.698.700.000
CTCP Dược phẩm Tây Ninh	100.000	798	110.000	87.780.000
CTCP Dược Vật tư Y tế Đắc Lắc	10.000	17.340	12.000	208.080.000
				4.630.560.000

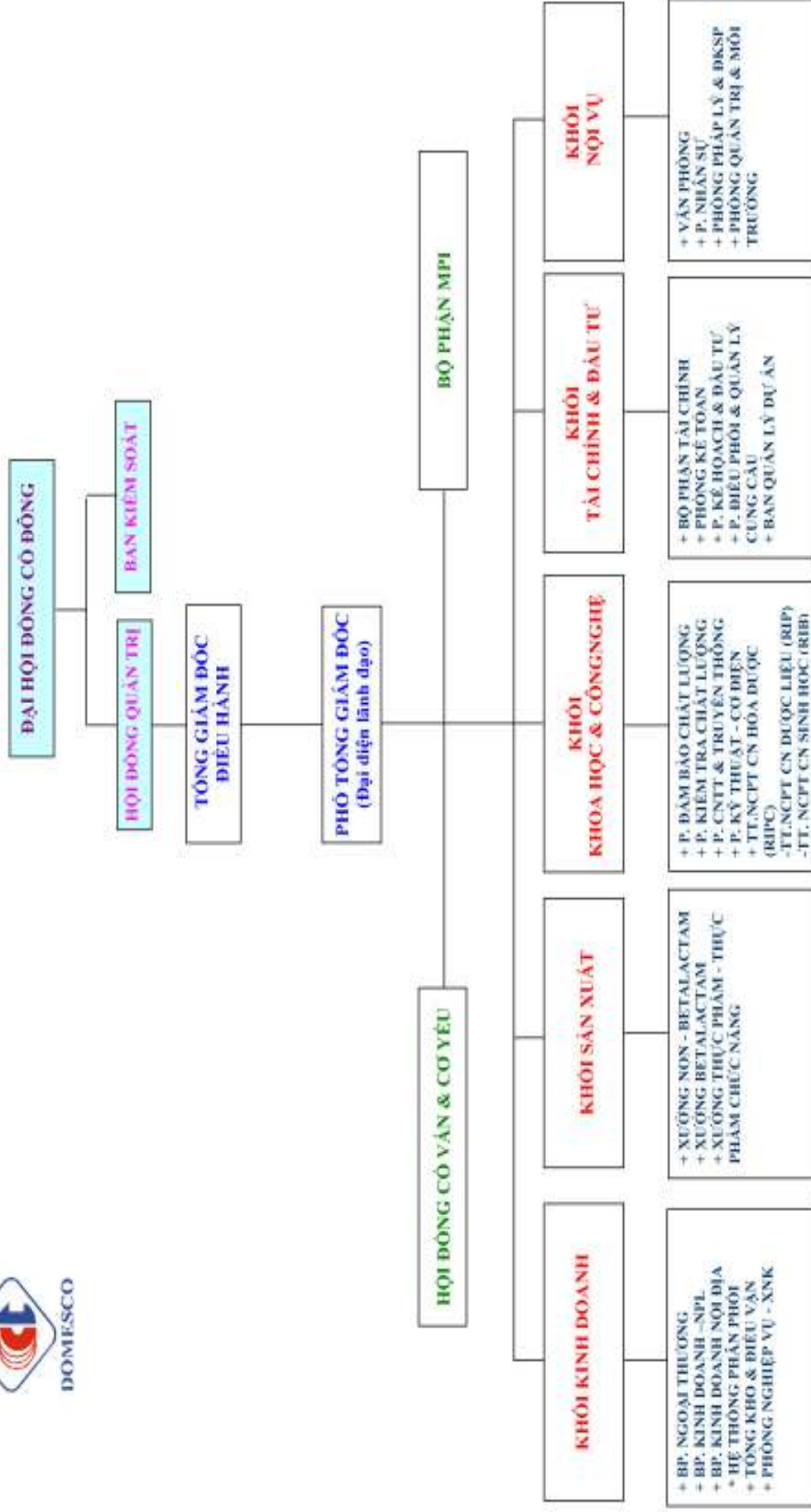
Công ty đầu tư dài hạn vào một số công ty trong ngành, để mở rộng hệ thống bán hàng và tạo tiền đề tham gia vào HĐQT của các Công ty dược như Bình Thuận, Tây Ninh,... để tiến tới M&A trong năm 2010.

VI. TỔ CHỨC & NHÂN SỰ:

1. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty

1.1. Sơ đồ tổ chức

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN XNK Y TẾ DOMESCO



HD-LD-01

Lbh : 02

Lsx : 02

Trang 2/7



1.2. Logo biểu tượng công ty:

- Màu đỏ: Tượng trưng cho sự quyết thắng, lòng quyết tâm hướng tới thành công.
 - Màu xanh: Sự dịu dàng, tấm lòng bao la, y đức của người làm Ngành Dược.
 - Dạng bóng: Sự nỗ lực không ngừng, luôn trong trạng thái “động”, thành quả đạt được hôm qua là bàn đạp cho hôm nay và là nền tảng vững chắc cho sự phát triển ngày mai...
- Hình thoi vuông cạnh là sự phối hợp hài hoà giữa: Sản Xuất - Kinh Doanh - Viện - Trường

2. Ban điều hành

- Ông Huỳnh Trung Chánh : Tổng giám đốc
- Bà Nguyễn Thị Tiến : Phó Tổng giám đốc
- Bà Phạm Ngọc Tuyền : Kế toán trưởng

3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

Tính đến 31/12/2009, tổng số lao động tại công ty là 1.246 người.

Trong đó: Về trình độ chuyên môn như sau:

- Sau đại học	: 20 người.	Tỷ lệ : 1,61%
- Đại học	: 233 người	Tỷ lệ : 18,7%
- Cao đẳng – Trung cấp	: 628 người	Tỷ lệ : 50,4%
- Sơ học	: 305 người	Tỷ lệ : 24,48%
- Công nhân kỹ thuật	: 25 người	Tỷ lệ : 2%
- Lao động phổ thông khác	: 35 người	Tỷ lệ : 2,81%

Thu nhập bình quân 2009 mỗi lao động là 5.144.202 đ tăng 9,27% so với năm 2008.

4. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng : không có

VII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG & QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hội đồng quản trị & Ban kiểm soát:

Thành phần Hội đồng Quản trị:

Ông Huỳnh Trung Chánh

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Sinh ngày: 29/09/1947

Trình độ chuyên môn: Dược sĩ Đại học

Chức vụ hiện tại: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc DOMESCO

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Y Dược DOMEDIC, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần DOMENAL

Quá trình công tác:

- 1975 - 06/1985: Trưởng Khoa Dược - Cận lâm sàng, Bệnh viện Đa khoa Đồng Tháp.
- 06/1985 - 07/1987: làm nhiệm vụ Phó giám đốc Công ty Cung ứng Vật tư và Thiết bị Y tế Đồng Tháp.
- 07/1987 - 09/1989: chính thức được bổ nhiệm làm Phó giám đốc Công ty Cung ứng Vật tư và

Thiết bị Y tế Đồng

Tháp, nay là DOMESCO.

▪ 09/1989 - 2003: Giám đốc DOMESCO.

▪ 2004 - nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc DOMESCO.

Bà Nguyễn Thị Tiến

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Sinh ngày: 01/01/1956

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hóa

Chức vụ hiện tại: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó tổng Giám đốc DOMESCO

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dược và Vật tư Y tế Bình Thuận

Quá trình công tác:

▪ 1981 - 1987: Tổ trưởng Tổ Kiểm nghiệm, Quản đốc phân xưởng tại Xí nghiệp Liên hợp Dược Đồng Tháp, nay là Công ty Cổ phần Dược phẩm IMEXPHARM.

▪ 10/1987 - 09/1989: Trưởng phòng Kinh doanh Công ty Cung ứng Vật tư và Thiết bị Y tế Đồng Tháp, nay là DOMESCO.

▪ 10/1989 - 12/2003: Phó Giám đốc DOMESCO.

▪ 01/2004 - nay: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc DOMESCO

Ông Trịnh Hoài Giang

Thành viên Hội đồng Quản trị

Sinh ngày: 28/01/1969

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Chức vụ hiện tại: Phó tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

Quá trình công tác:

▪ 1994 - 2003: làm việc tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh.

▪ 2000: được trao tặng học bổng chương trình giảng dạy kinh tế Fulbright là chương trình hợp tác giữa trường J.F.Kennedy thuộc Đại học Harvard, Hoa Kỳ và Đại học kinh tế. Sau khi hoàn tất khoá học, tiếp tục công tác tại bộ phận Đầu tư dự án của Vietcombank.

▪ 2003: được học bổng Fulbright của Bộ Ngoại giao Hoa kỳ để học Thạc sĩ Quản trị kinh doanh 2 năm tại Hoa Kỳ.

▪ 2005 - 2007: Giám đốc Nghiệp vụ Bộ phận Tài chính Doanh nghiệp tại Dragon Capital. Ngoài ra, còn là một thành

viên tích cực của Diễn đàn Thị trường trái phiếu Việt Nam.

▪ 2007 - nay: Phó tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Trần Thanh Phong

Thành viên Hội đồng Quản trị

Sinh ngày: 27/02/1973 – Nơi sinh : Đồng Tháp

Trình độ chuyên môn: Dược sỹ đại học

Chức vụ hiện tại: Phó Giám đốc TT NC & PT đặc trách nghiên cứu công nghệ hóa dược trực thuộc Khối NC PT Công ty

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: (không có)

Quá trình công tác:

▪ 17/8/1998 – 31/12/1999: Phó phòng T-R & D.

▪ 01/01/2000 – 30/09/2002: Phó Quản đốc Xưởng I.

▪ 01/10/2002 - 2003: Q. Trưởng phòng T-R & D.

- 01/10/2002 - 2003: Q. Trưởng phòng T-R &D.
- Năm 2004: Quản đốc Xưởng Betalactam.
- 28/12/2004 - nay: Giám đốc TRung tâm nghiên cứu công nghệ hóa dược.

Ông Hoàng Công Toàn

Thành viên Hội đồng Quản trị

Sinh ngày: 06/05/1972 – Nơi sinh : Úc

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kế toán (Đại học Melbourne-Úc), Cử nhân Quản trị kinh doanh (Đại học Assumption – Thailan)

Chức vụ hiện tại: Trưởng nhóm đầu tư – Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước – Chi nhánh phía nam.

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không có

Quá trình công tác:

- 11/1999- 11/2000: Phó phòng kế toán tài chính Công ty TNHH Universal travel & Trading Bangkok Thai Lan
- 08/2003-06/2005: Chuyên gia kiểm soát tài chính Công ty Mercedes-Benz Việt Nam.
- 2004-2005: Công ty TNHH Advisor Associates Pte (Singapore) – Tư vấn bán thời gian.
- 06/2005-07/2005: Công ty VinaCapital – Chuyên viên tư vấn doanh nghiệp.
- 08/2005-08/2007: Phó giám đốc điều hành - Công ty TNHH Advisor Associates Pty (Melbourne, Úc)
- 09/2007 - nay: Trưởng nhóm đầu tư - Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước – Chi nhánh phía nam..

Thành phần Ban kiểm soát:

Ông Nguyễn Phi Thức

Trưởng ban Kiểm soát

Sinh ngày: 07/06/1979 .Nơi sinh: Đồng Tháp

Số CMND/Passport: 340965821, Cấp ngày: 06/11/2007, tại Đồng Tháp

Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Cử nhân Kinh Tế - chuyên ngành Tài Chính Doanh Nghiệp

Chức vụ hiện tại: Trưởng Ban kiểm soát.

Cơ quan công tác: Công ty CP XNK Y Tế DOMESCO

Quá trình công tác:

- Từ 18/10/2001 đến 21/01/2002 chuyên viên phòng Phòng Đảm Bảo Chất lượng
- Từ 22/01/2002 đến 31/12/2002 chuyên viên Phòng Kế Toán
- Từ 01/01/2003 đến 31/12/2007 chuyên viên Phòng Kiểm toán Nội bộ
- Từ 01/01/2008 đến 01/03/2009 chuyên viên Phòng Quản Trị Tài Chính
- Từ 02/03/2009 đến nay : trưởng Ban kiểm soát công ty.

Bà Huỳnh Thị Tô Quyên

Thành viên ban Kiểm soát

Sinh ngày: 09/10/1982 .Nơi sinh: Cà Mau

Số CMND/Passport: 381130481, Cấp ngày: 11/06/1999, tại Cà Mau

Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Cử nhân Luật – chuyên ngành Luật Quốc tế

Chức vụ hiện tại: Nhân viên Phòng Pháp lý đăng ký sản phẩm.

Cơ quan công tác: Công ty CP XNK Y Tế DOMESCO

Quá trình công tác:

- Từ tháng 01/05/2006 đến 01/04/2008: Chuyên viên Phòng phổ biến giáo dục pháp luật tại Sở Tư Pháp tỉnh Cà Mau.
- Từ tháng 5/2008 đến 15/03/2009 : Nhân viên Phòng Kế hoạch và Đầu tư Công ty CP XNK Y tế DOMESCO
- Từ 16/03/2009 đến nay : Nhân viên Phòng Pháp lý và Đăng ký sản phẩm Công ty CP XNK Y tế DOMESCO

Ông Trần Mạnh Hữu

Thành viên ban Kiểm soát

Sinh ngày: 01/11/1978 . Nơi sinh: Thái Bình

Số CMND/Passport: , Cấp ngày: , tại

Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Cử nhân Kinh tế

Chức vụ hiện tại: Chuyên viên Ban kiểm soát

Cơ quan công tác: Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC)

Quá trình công tác:

- Từ năm 2001 đến 8/2002: Chuyên viên phòng TCKT – Tổng Công ty Máy và Phụ tùng thuộc Bộ Thương mại (nay là Công ty Máy và Phụ tùng)
- Từ 8/2002 đến 8/2003: Phụ trách Phòng TCKT – Xí nghiệp SXKD ống thép Machino tại TP.HCM
- Từ 9/2003 đến 7/2004: Chuyên viên phòng TCKT – Tổng Công ty Máy và Phụ tùng
- Từ 8/2004 đến 8/2008: là Thanh tra viên – Thanh tra Bộ Thương mại (Nay là Bộ Công thương)
- Từ 9/2008 đến nay: Chuyên viên Ban Kiểm soát – Tổng Cty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước.

2. Hoat động của Hội đồng quản trị trong năm 2009:

2.1 Các cuộc họp của HĐQT trong năm 2009:

PHIÊN HỌP	NGÀY HỌP	NỘI DUNG
Phiên họp 1	11/02/2009	- Thống nhất cho chuyển nhượng nhà 666/1 - đường 3/2 – P. 14 – Q10 – TP.HCM - Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2008
Phiên họp 2	08/03/2009	- Thông qua các nội dung họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2008. - Thống nhất mua thêm 200.000 cổ phiếu quỹ thực hiện chuyển đổi cổ phiếu với SCIC để mua lại vốn SCIC ở một số Công ty trong hệ thống phân phối DOMESCO (Thực tế mua thêm 105.540 cp, nâng tổng số cp quỹ lên 305.817 cp)
Phiên họp 3	27/3/2009	Họp bầu chủ tịch, phó chủ tịch và thành viên HĐQT nhiệm kỳ II (2009-2013)
Phiên họp 4	06/5/2009	- Chủ trương thành lập Nhà máy Đông được tại Tân Tạo, vốn

		<p>điều lệ là 9 tỷ đồng, DOMESCO tham gia 33% vốn điều lệ. → đang hoàn chỉnh điều lệ và dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyển dự án Nhà máy bao bì sạch cấp 1 (dự kiến xây ở Khu Công nghiệp Tân Tạo) về cụm công nghiệp Cần Lố - Bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh: sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu khẩu vắc xin, sinh phẩm dùng cho người, động vật và thực vật” - Phân chia thù lao trong HĐQT và BKS - Duyệt tổng quỹ lương năm 2009: 7,02% doanh thu thuần - Bổ sung thêm Công ty CP Dược Lâm Đồng vào danh mục đầu tư của DOMESCO bằng hình thức xin nhượng lại vốn SCIC
Phiên họp 5	22/5/2009	<p>HĐQT giao TGD được thế chấp quyền sử dụng đất của cụm Cần Lố để vay vốn ưu đãi phục vụ dự án Nhà máy chiết xuất nguyên liệu dược liệu.</p> <p>+ Tổng mức dự án: 57.075.665.994 đồng</p> <p><i>(Đến ngày 31/12/2009, Tổng số tiền đã giải ngân vay ưu đãi là: 15,6 tỷ đồng, lãi suất vay 2,9%/năm đến 31/12/2011)</i></p>
Phiên họp 6	04/6/2009	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 10:3 - Cơ cấu lại danh mục đầu tư của Công ty - Mức lương cho Ban điều hành và cán bộ quản lý Công ty
Phiên họp 7	05/8/2009	<ul style="list-style-type: none"> - Thành lập thêm chi nhánh Hải Dương - Điều chỉnh lợi nhuận trước thuế tăng từ 85 tỷ đồng lên 93 tỷ đồng - Chủ trương thành lập công ty chuyên doanh về sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu nguyên phụ liệu, hóa chất cơ bản và hóa chất xét nghiệm.
		<ul style="list-style-type: none"> - Chủ trương góp vốn đầu tư thành lập Trung tâm thương mại ĐakLak là 50% nhưng không quá 15 tỷ đồng (liên kết với Công ty Dược & VTYT ĐakLak)
		<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất cho chỉ định thầu lập dự án, thiết kế cơ sở, thiết kế chi tiết: <ul style="list-style-type: none"> + Nhà máy thuốc viên - cốm - bột + Nhà máy Non Betalactam thuốc tiêm – thuốc nhỏ mắt
		<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện dự án hóa dược: chiết xuất Piperin từ hồ tiêu. + Tổng vốn dự án: 21,922 tỷ đồng, + DOMESCO góp: 15,345 tỷ đồng, + Kinh phí hỗ trợ: 6,577 tỷ đồng <i>(Đã được Bộ Công thương xét duyệt cấp kinh phí : 6,580 tỷ đồng)</i>
		<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất việc thay đổi đối tác liên kết các công trình sau: <ul style="list-style-type: none"> + Nhà máy sản xuất nguyên liệu hóa dược ngoài Cephalosporin. + Nhà máy sản xuất thuốc tiêm và nguyên liệu nhóm Cephalosporin + Liên kết với Viện kiểm nghiệm TP. HCM thay cho ADME-EUROFINS trong xây dựng trung tâm BE, BA tại Việt Nam + Nhà máy sản xuất Non Betalactam thuốc tiêm – Thuốc nhỏ mắt

Phiên họp 8	30/10/2009	- Thay đổi cửa hàng trường Hiệu thuốc số 2 – chi nhánh tại TP.HCM
		- Liên kết với Cty Dược và VTYT ĐakLak thành lập Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Dược phẩm Tây Nguyên trong đó DOMESCO chiếm 51%
		- Thống nhất cho trích tối đa là 20% quỹ Đầu tư phát triển phục vụ đào tạo nguồn nhân lực .
		- Ủy quyền TGD chọn người tham gia vào HĐQT các Công ty: Dược Bạc Liêu; Dược Đaklak, Dược Bình Thuận (DOMESCO mua lại vốn SCIC ở các Công ty này)
Phiên họp 9	17/11/2009	- Cử Ông Huỳnh Trung Chánh - Chủ tịch HĐQT đại diện vốn DOMESCO tham gia vào Hội đồng thành viên DOMENOL

2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2009:

Ban Kiểm soát Công ty CP XNK Y tế DOMESCO, đã thực hiện kiểm soát đối với hoạt động của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009. Nội dung cụ thể như sau :

CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2009

Hoạt động	Thời gian
Kiểm soát thực hiện Nghị quyết Đại hội Cổ đông năm 2009	21/04/2009
Kiểm soát các báo cáo tài chính 3 tháng kết thúc ngày 31/03/2009	12/05/2009
Kiểm soát các báo cáo tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2009	25/08/2009
Kiểm soát các báo cáo tài chính 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2009	31/10/2009
Kiểm soát các báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31/12/2009	10/02/2010
Họp với Hội đồng Quản trị - Quý 1/2009	06/05/2009
Họp với Hội đồng Quản trị - Quý 2/2009	05/08/2009
Họp với Hội đồng Quản trị - Quý 3/2009	30/10/2009
Họp với Hội đồng Quản trị - Quý 4/2009	27/01/2010
Thăm nhà máy Chiết xuất Nguyên liệu Dược liệu ở Cần Lố	08/01/2010

Thông qua các hoạt động kiểm soát chiến lược, kiểm soát hoạt động, và kiểm soát các báo cáo tài chính, Ban Kiểm soát trình báo cáo kiểm soát cho Đại hội đồng Cổ đông với nội dung chi tiết như sau :

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2009

Về kế hoạch kinh doanh cho năm 2009, Công ty đạt

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Hoàn thành
Doanh thu thuần (đồng)	1.054.980.000.000	1.067.897.302.992	101,22%
Lợi nhuận trước thuế (đồng)	93.000.000.000	112.188.063.962	120,63%

Doanh thu thực hiện tăng 1,22% so với kế hoạch nhưng lợi nhuận trước thuế tăng đến 20,63% so với kế hoạch cho thấy Công ty đã đẩy mạnh tiêu thụ những nhóm hàng có tỷ suất lợi nhuận cao.

Chúng tôi xin nói thêm rằng doanh thu từ hoạt động khác đóng góp 7,9 tỷ đồng vào lợi nhuận trước thuế trong đó thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất và bán nhà số 666 đường 3/2, Quận 10 TP.HCM là 7,7 tỷ đồng.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chúng tôi đã thực hiện kiểm soát tình hình tài chính của Công ty và xem xét báo cáo kiểm toán. Chúng tôi đồng ý với ý kiến của kiểm toán độc lập về các số liệu ngày 31/12/2009. Chúng tôi đã xem xét các biến động về tài sản, nợ và nguồn vốn trong kỳ với nhận xét sau:

Một số lưu ý sau:

- Tài sản ngắn hạn vào ngày 31/12/2009 tăng 17,41% so với tài sản ngắn hạn ngày 31/12/2008. Trong đó, đáng chú ý phần các khoản phải thu ngắn hạn cuối năm 2009 đã tăng 34,97% so với đầu năm, tương tự hàng tồn kho tăng 9,72%. Hơn nữa, Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm giảm 32,11% so với đầu năm. Điều đó cho chúng ta thấy Công ty gặp một số khó khăn trong việc thu hồi nợ, dẫn đến lượng tiền tại công ty sẽ bị thiếu hụt trong tương lai, nếu như năm 2010 không có các biện pháp tốt để thu hồi công nợ, công ty có thể gặp khó khăn trong việc thanh toán các khoản chi phí lưu thông và công nợ.
- Tài sản dài hạn trong năm 2009, Công ty đầu tư mạnh vào tài sản cố định.
 - Trong đó phần tài sản cố định hữu hình tăng 31,92%. Một số nhà xưởng lớn như sau:

Vị trí nhà, vật kiến trúc	Giá trị (nghìn VNĐ)
Kho Tân Tạo, TP.HCM	19.298.113
Văn phòng 2, TP.HCM	6.694.000
Kho Cần Lồ, Đồng Tháp	4.971.000
Chi nhánh Đồng Tháp	1.172.000

- Phần tài sản vô hình cuối năm cũng tăng mạnh so với đầu năm do Công ty mua quyền sử dụng đất phục vụ cho sản xuất kinh doanh như sau:

Vị trí khu đất	Giá trị (nghìn VNĐ)
Tại Khu CN Cần Lồ, TP.HCM	16.865.000
Tại Chi nhánh Vinh	3.205.000
Tại Chi nhánh Đồng Tháp	1.006.000

- Chúng tôi đã xem xét hồ sơ pháp lý của các mảnh đất này và cho rằng tài sản này được mua một cách hợp lý và hợp pháp;
- Cấu trúc vốn của Công ty hiện tại: 29,3% là Nợ và 70,7 % là Vốn đây là một cấu trúc vốn lành mạnh, thể hiện được tiềm năng của công ty trong việc mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và đảm bảo các khoản nợ khi đáo hạn. Tuy nhiên, Công ty cần chọn cho mình một cấu trúc vốn hợp lý hơn nhằm mục đích duy trì sự phát triển bền vững lâu dài.

ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Tại ngày 31/12/2009, Công Ty có các khoản đầu tư tài chính như sau:

Khoản mục đầu tư	Giá trị (nghìn VNĐ)
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	0
Đầu tư chứng khoán dài hạn, liên doanh	78.213.960
Tổng giá trị đầu tư tài chính	78.213.960
Đầu tư tài chính / Tổng tài sản (%)	11,03%
Đầu tư tài chính / Tổng vốn chủ sở hữu (%)	15,55%
Đầu tư tài chính / Tổng vốn điều lệ (%)	43,91%

Một số lưu ý

- Đến thời điểm 31/12/2009, Công ty chỉ đầu tư tài chính dài hạn, tỷ trọng đầu tư dài hạn trong tổng tài sản và vốn điều lệ chiếm một mức khá cao theo như bảng trên, Cho nên Ban điều hành cố gắng tập trung điều hành các đơn vị liên doanh liên kết để các khoản đầu tư này phát huy hiệu quả cao.
- Công ty có đầu tư vào các Công ty dược cùng ngành sản xuất dược phẩm, các khoản đầu tư này tận dụng các cơ hội liên doanh liên kết sản xuất và phân phối sản phẩm.

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Chúng tôi đồng ý với các số liệu kiểm toán và kết quả kinh doanh trong năm 2009 với một điểm lưu ý như sau :

ĐVT. Nghìn VND	Số kiểm toán 2009	Số kiểm toán 2008	Thay đổi %	Kế hoạch 2009	Hoàn thành %
Doanh thu thuần	1.067.897.302	937.760.612	13,9%	1.054.000.000	101,3%
Gía Vốn hàng bán	750.295.758	677.519.918	10,7%		
Lợi nhuận gộp	317.601.544	260.240.693	22,0%		
Doanh thu tài chính	7.410.029	9.839.072	-24,7%		
Chi phí tài chính	6.714.971	27.629.845	-75,7%		
Lãi vay	5.153.557	4.909.839	5,0%		
Chi phí bán hàng	120.152.210	92.538.541	29,8%		
Chi phí quản lý DN	93.890.709	75.631.093	24,1%		
Lợi nhuận hoạt động KD	104.253.682	74.280.285	40,4%		
Thu nhập khác	12.973.462	235.763	5402,8%		
Chi phí khác	5.039.081	21.948	22859,2%		
Lợi nhuận khác	7.934.381	213.815	3610,9%		
Tổng lợi nhuận trước thuế	112.188.063	74.494.100	50,6%	93.000.000	120,6%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	35.825.597	11.688.745	206,5%		
Lợi nhuận sau thuế	76.362.466	62.805.355	21,6%		

CÁC CHỈ SỐ CƠ BẢN	Năm 2009	Năm 2008
Lợi nhuận gộp / Doanh thu	29,74%	27,75%
Lợi nhuận hoạt động / Doanh thu	9,76%	7,92%
Lợi nhuận trước thuế / Doanh thu	10,51%	7,94%
Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu	7,15%	6,70%
Chi phí bán hàng / Doanh thu	11,3%	9,9%
Chi phí quản lý / Doanh thu	8,8%	8,1%

- Doanh thu thuần năm 2009 tăng 13,9 % so với năm 2008, chủ yếu do tập trung bán hàng sản xuất.
- Tỷ suất lợi nhuận gộp của năm 2009 đạt 29,74% so với 27,75% chủ yếu do thay đổi cơ cấu sản phẩm theo hướng tăng tỷ trọng các sản phẩm có tỷ trọng lợi nhuận cao.
- Chi phí bán hàng tăng 29,8% so với cùng kỳ, dẫn đến chi phí khổng chế 10% theo thông tư 130 của Bộ Tài chính đã bị vượt, Công ty cần xem xét lại việc phân bổ phí năm 2010 cho phù hợp để tất cả chi phí đều hợp lý và hợp lệ.
- Chi phí quản lý ổn định so với doanh thu

NHÀ MÁY CHIẾT XUẤT NGUYÊN DƯỢC LIỆU TẠI CÀN LÔ

Theo đánh giá của Chúng tôi và trao đổi với Ban Giám đốc nhà máy Chiết xuất nguyên dược liệu vào đầu Quý II năm 2010 mới đi vào hoạt động trễ 03 tháng so với kế hoạch đề ra, chủ yếu do Chủ đầu tư có điều chỉnh lại thiết kế cho phù hợp. Theo quan sát thực tế nhà máy đã hoàn thành xây dựng cơ bản 100%, đang trong giai đoạn lắp ráp máy và vận hành chạy thử.

CHI TRẢ CỔ TỨC 2009

Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Hội đồng Quản trị Công ty đã quyết định phân phối một phần lợi nhuận năm 2009 cho cổ đông với tỷ lệ 10%/ mệnh giá cổ phần (10.000 VNĐ/cổ phần) và thanh toán tiếp 10% cổ tức năm 2009 trong năm 2010 theo NQ Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 27/03/2010.

CÁC KIẾN NGHỊ

- ❖ Lập kế hoạch thu nợ cho năm 2010, giảm ít nhất 20% công nợ hiện tại.
- ❖ Đối với các danh mục đầu tư chú trọng đầu tư vào các nhà máy tạo sản phẩm mới, tạo ra doanh thu nhanh. Ban quản lý dự án cần chú trọng đến tiến độ các dự án trọng điểm.
- ❖ Kiểm soát chặt hoạt động đầu tư tài chính dài hạn:
 - (i) Tận dụng tốt các mối quan hệ trong đầu tư chiến lược của hoạt động liên doanh, liên kết, gia công, và phân phối sản phẩm
 - (ii) Theo dõi chặt chẽ giá trị của các khoản đầu tư về khả năng sinh lợi.
- ❖ Đẩy nhanh tiến độ nhà máy Chiết xuất – Nguyên liệu Dược liệu để nhanh chóng đưa nhà máy này đi vào hoạt động đầu Quý II-2010 & và có kế hoạch kinh doanh hợp lý để khai thác toàn bộ công suất dự kiến của nhà máy.

2.3 Thù lao Hội đồng quản trị & Ban kiểm soát:

Thù lao Hội đồng quản trị & Ban kiểm soát năm 2009 được duyệt trên cơ sở 2% Lợi nhuận sau thuế và trích 30% tổng thù lao sử dụng cho hoạt động xã hội & giao tế. Cụ thể :

- Tiền thù lao của HĐQT & BKS trong năm 2009 : 1.527.249.321 đồng
- Chi cho hoạt động xã hội và giao tế : 458.174.796 đồng
- Thù lao HĐQT & BKS thực nhận trong năm 2009 : 1.069.074.525 đồng

2.4 Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên hội đồng quản trị & Ban kiểm soát:

Tên	Sở hữu	Mua vào	Bán ra	Thưởng	Hiện tại	Tỷ lệ
Ông Huỳnh Trung Chánh Chủ tịch HĐQT – TGD	101.106 cp	6.000 cp	0 cp	32.131 cp	139.237 cp	0.78%
Bà Nguyễn Thị Tiến Phó Chủ tịch HĐQT – Phó TGD	47.841 cp	0 cp	22.000 cp	14.352 cp	40.193 cp	0.35%
Ông Trịnh Hoài Giang Thành viên HĐQT	10.000 cp	0 cp	0 cp	3.000 cp	13.000 cp	0.07%
Ông Trần Thanh Phong Thành viên HĐQT	5.042 cp	0 cp	0 cp	1.512 cp	6.554 cp	0.04%

Ông Nguyễn Phi Thúc Trưởng Ban kiểm soát	11 cp	0 cp	0 cp	3 cp	14 cp	0.00%
---	-------	------	------	------	-------	-------

Thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển theo tỷ lệ 10:3

3. Dữ liệu thống kê cổ đông theo danh sách chốt ngày 24/02/2010:

3.1. Thông tin chung về cơ cấu cổ đông:

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cp	Tỷ lệ %
I.	Tổ chức	63	15.275.382	85,77%
1.	- Trong nước	39	8.588.506	48,22%
	Trong đó: cổ phiếu quỹ	1	305.817	1,72%
2.	- Nước ngoài	24	6.686.876	37,55%
II.	Cá nhân	1.446	2.533.954	14,23%
1.	- Trong nước	1.297	2.453.223	13,77%
2.	- Nước ngoài	149	80.731	0,58%
@.	Tổng cộng	1.509	17.809.336	100%

3.2 Thông tin chi tiết về cổ đông lớn:

Tên cổ đông	Quốc tịch	Số lượng cp	Tỷ lệ	Biến động tỷ lệ sở hữu
1. Tổng Công ty đầu tư & kinh doanh vốn nhà nước	Việt Nam	6.183.268	34,72%	0
2. Amersham Industries Ltd.	Virgin Islands	2.261.949	12,70%	0
3. Vietnam Dragon Fund Ltd.	Bermuda	1.241.246	6,97%	0
Tổng cộng		9.686.463	54,39%	

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

HUỲNH TRUNG CHÁNH

